

CTCP TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 14 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Mã chứng khoán : SKG

Địa chỉ trụ sở chính : Số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : 0297 3 980 111

Fax : 0297 3 846 180

Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI

Địa chỉ : Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại (cơ quan): 028 38 666 333

Fax : 028 38 688 373

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

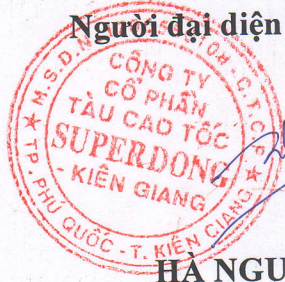
Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên năm 2021. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 14/04/2021 tại đường dẫn <http://superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI



Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông,
Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang



info@superdong.com.vn



(0297) 3846 180



(0297) 3980 111



www.superdong.com.vn

ANNUAL REPORT 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

01

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG

21

PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

31

PHẦN III
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

45

PHẦN IV
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

51

PHẦN V
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

55

PHẦN VI
QUẢN TRỊ CÔNG TY

63

PHẦN VII
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

67

PHẦN VIII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



AN TOÀN – ỔN ĐỊNH – ĐÚNG GIỜ – THOẢI MÁI – TIỆN LỢI
– DỊCH VỤ ĐA DẠNG – GIÁ CẢ HỢP LÝ





THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY	: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG
TÊN TIẾNG ANH	: Superdong Fast Ferry Kien Giang Joint Stock Company
TÊN VIẾT TẮT	: SUPERDONG FF (KG) JSC
GIẤY CNDKDN SỐ	: 1700556108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 14/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 02/02/2021.
VỐN ĐIỀU LỆ	: 633.317.350.000 đồng
ĐỊA CHỈ	: Số 10, Đường 30/4, khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
SỐ ĐIỆN THOẠI	: (0297) 3980 111
SỐ FAX	: (0297) 3846 180
WEBSITE	: www.superdong.com.vn
MÃ CỔ PHIẾU	: SKG
SÀN CHỨNG KHOÁN	: HOSE



TRỤ SỞ CHÍNH

- Địa chỉ: Số 10, Đường 30/4, KP2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- Số điện thoại: (0297) 3980 111 Fax: (0297) 3 846 180
- Email: info@superdong.com.vn
- Hotline: 0919 664 660

PHÒNG VÉ TRẦN ĐỀ

- Địa chỉ: Ấp Đầu Giồng, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng, Bến cảng Superdong Trần Đề Sóc Trăng.
- Điện thoại: (0299) 3 843 888 - (0299) 3 843 999

VPĐD TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ: Số 610, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 38 666 333 Fax: (028) 38 688 363

PHÒNG VÉ RẠCH GIÁ

- Địa chỉ: Số 01, Lô 04, Đường 3/2, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3 877 742 Fax: (0297) 3 877 741

PHÒNG VÉ HÀ TIÊN

- Địa chỉ: 11 Trần Hữu, P. Bình San, Thành phố Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3 955 933

PHÒNG VÉ NAM DU

- Địa chỉ: Ấp Cù Tron, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3 777 989 – (0297) 3 890 389

PHÒNG VÉ PHAN THIẾT

- Địa chỉ: 535 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Lạc Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (0252) 3 817 337 Fax: (0252) 3 817 338

PHÒNG VÉ HÒN NGHỆ

- Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Bãi Nam, Xã Hòn Nghệ, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: (0297) 3 890 389 - (0297) 3 777 989

PHÒNG VÉ PHÚ QUÝ

- Địa chỉ: 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (0252) 3 765 999 - (0252) 3 768 666

PHÒNG VÉ CÔN ĐÀO

- Địa chỉ: Đường Trần Phú, khu 6, Thị trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại: (0254) 3 630 138 Fax: (0254) 3 630 139
- Hotline xe bus: 088.663.739

PHÒNG VÉ SÓC TRĂNG

- Địa chỉ: 193 Lê Hồng Phong, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.
- Điện thoại: (0299) 3 616 111 Fax: (0299) 3 637 888
- Hotline xe bus: 0916.294.399

PHÒNG VÉ LẠI SƠN

- Địa chỉ: Ấp Bãi Nhà, Xã Lại Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: (0297) 3 830 555 - 091 1541 331

PHÒNG VÉ CẦN THƠ

- Địa chỉ: Số 62B đường Võ Nguyên Giáp, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại: (028) 38 666 333 - (028) 38 688 363

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang hoạt động khai thác tuyến Rạch Giá - Phú Quốc với tàu cao tốc Superdong I.

2010

Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần. Hoạt động với 03 tàu cao tốc.

2011

Công ty mở rộng địa bàn hoạt động sang tuyến mới Hà Tiên - Phú Quốc. Hoạt động với 04 tàu cao tốc.

2014

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE). Hoạt động với 07 tàu cao tốc.

2015

Mở tuyến Rạch Giá - Nam Du. Khai trương dịch vụ xe trung chuyển tại cảng Bãi Vòng (Phú Quốc). Hoạt động với 08 tàu cao tốc.



2016

Đội tàu của Công ty được tăng thêm, tổng số ghé đạt 2.684, tăng 26,7% so với năm 2015.

2017

Công ty khai trương tuyến hoạt động mới Sóc Trăng - Côn Đảo. Khai thác tuyến phà Hà Tiên - Phú Quốc (bến Bãi Vòng). Hoạt động với 14 tàu cao tốc.

2018

Công ty khai thác tuyến mới Phan Thiết - Phú Quý. Hoạt động với 17 tàu cao tốc và phà.

2019

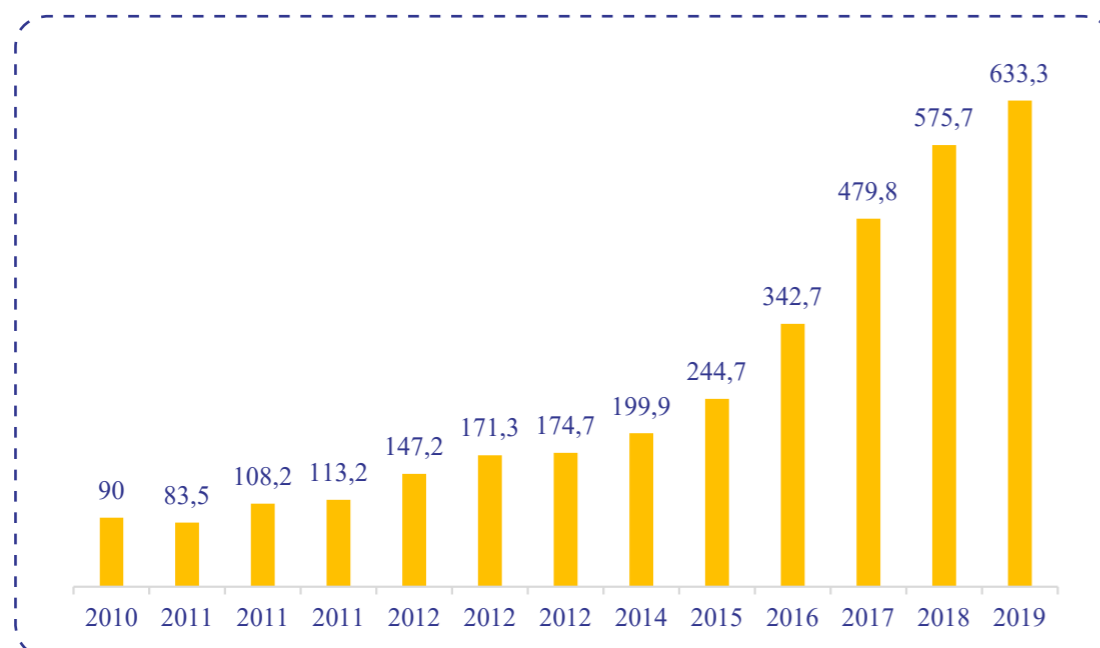
Mở tuyến mới Phú Quốc - Nam Du. Hoạt động với 18 tàu cao tốc và phà.

2020

Chính thức khai trương tuyến Rạch Giá - Hòn Nghệ.

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

THỜI ĐIỂM	VỐN ĐIỀU LỆ	HÌNH THỨC
2010	90,0 tỷ	Chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang CTCP.
2011	83,5 tỷ	Điều chỉnh Vốn điều lệ bằng đúng số vốn thực góp.
2011	108,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010.
2011	113,2 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu.
2012	147,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011.
2012	171,3 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu.
2012	174,7 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu.
2014	199,9 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013.
2015	244,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015.
2016	342,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015.
2017	479,8 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016.
2018	575,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017.
2019	633,3 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018.



THÀNH TÍCH QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

NƠI CẤP	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI KÝ
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý	06/10/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương giai đoạn 2019 - 2020.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân
Cục thuế tỉnh Bình Thuận	04/03/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2019.	Cục trưởng Trần Thị Diệu Hoàng
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý	06/01/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2019.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân
Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kiên Giang	26/12/2019	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh vận tải năm 2019.	Giám đốc Nguyễn Văn Dũng
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang	02/12/2019	CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2019.	Giám đốc Trương Hữu Cường
Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận	12/09/2019	Cảm tạ Tấm lòng vàng.	Phó chủ tịch Trương Thị Hòa
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý	15/01/2019	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2018.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân
Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên	05/02/2018	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên.	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân
Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên	18/01/2018	Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017.	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân
Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Sóc Trăng	27/10/2017	Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017.	Giám đốc Trần Minh Lý

THÀNH TÍCH QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

NƠI CẤP	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI KÝ
Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam	10/10/2017	Bằng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị Kết nối Giao thương VACOD - Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc - Trung - Nam 2017.	Chủ tịch TS. Nguyễn Hồng Sơn
Forbes Việt Nam	29/05/2017	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất.	-
Hiệp hội vận tải tỉnh Kiên Giang	20/03/2017	Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội Vận tải tỉnh Kiên Giang.	Chủ tịch Lê Việt Bắc
Hiệp hội VAFE	09/11/2016	Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin.	Tổng thư ký Mai Linh Đa
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Công thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn)	09/11/2016	Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 – IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016.	Tổng thư ký hiệp hội VAFE Mai Linh Đa Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang	21/01/2015	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014.	Giám đốc Trương Hữu Cường
Viện nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp	10/11/2014	Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014.	Viện trưởng PGS. TS Nguyễn Mạnh Quân
Sở Công thương tỉnh Kiên Giang	15/03/2013	Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013.	Giám đốc Huỳnh Văn Gành
UBND tỉnh Kiên Giang	08/02/2013	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012.	Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang	15/02/2012	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011.	Giám đốc Trương Hữu Cường



THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

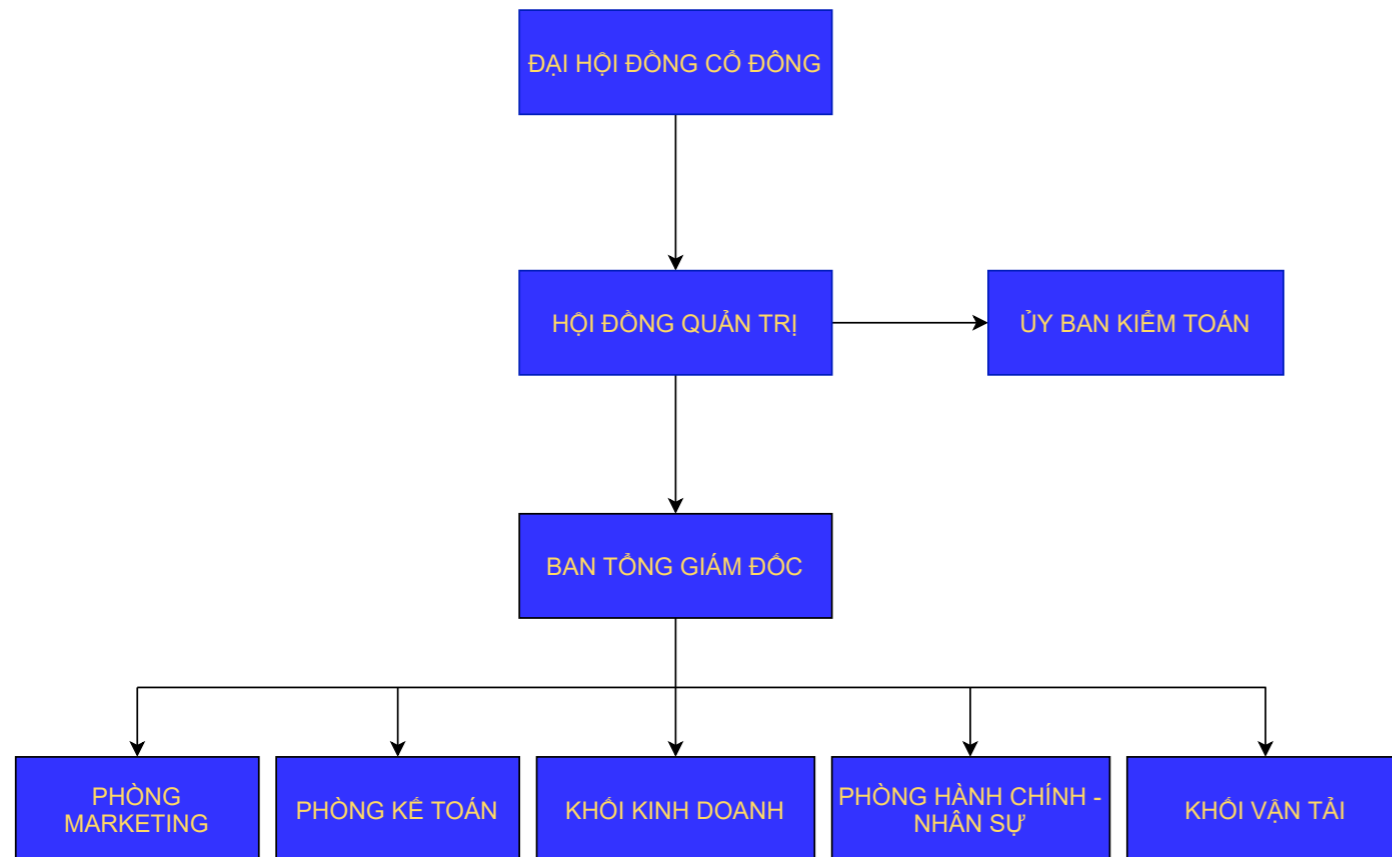
Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán (trực thuộc Hội đồng quản trị);
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các Phòng ban và Khối chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kế toán, Phòng Hành chính – Nhân sự, Phòng Marketing và Khối Kinh doanh, Khối Vận tải.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang có cơ cấu tổ chức hoạt động gồm 01 Trụ sở chính đặt tại Phú Quốc, 04 chi nhánh tại Sóc Trăng, Côn Đảo, Phú Quý và Nam Du; 01 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và một số phòng vé tại các tuyến tàu khai thác. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

- Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn.
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành kinh doanh tour du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Với mục tiêu củng cố và thích nghi với tình hình mới của hoạt động kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải tới các đảo du lịch, Công ty đã bổ sung thêm một số ngành nghề:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh khai thác cảng biển (Kinh doanh có điều kiện).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (Kinh doanh có điều kiện);
- Kinh doanh khai thác Cảng thủy nội địa (Kinh doanh có điều kiện).

Xu hướng du lịch biển đảo đang từng bước hình thành với rất nhiều du địa để phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch. Nhận thấy được tiềm năng to lớn này, Công ty luôn tập trung vào việc kinh doanh dịch vụ vận tải bằng tàu cao tốc và phà nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, cũng như phát triển kinh tế, du lịch của khu vực. Hiện, Công ty đang là hãng tàu hàng đầu trong các thị trường khai thác với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc và 02 phà, phục vụ cho hành khách đi tới các đảo Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, cụ thể như sau:

- Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, VI, XII và Phà Superdong PI, PII;
- Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong IV, VII, VIII;
- Tuyến Rạch Giá – Nam Du (gồm các trạm dừng Hòn Tre, Lại Sơn): Tàu cao tốc Superdong I, II, X, XI;
- Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II;
- Tuyến Phan Thiết – Phú Quý: Tàu Superdong Phú Quý I, II;
- Tuyến Phú Quốc – Nam Du: Tàu cao tốc Superdong V;
- Tuyến Rạch Giá - Hòn Nghệ: Tàu cao tốc Superdong IX.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với 07 tuyến vận chuyên đang khai thác, địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm tại tỉnh Kiên Giang, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Bình Thuận của Việt Nam.



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI TÀU SUPERDONG

Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chở tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/giờ)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (h)
Tàu Superdong I	1.176	171	22	9	1,5
Tàu Superdong II	1.518	261	26	13	2,5
Tàu Superdong III	2.080	306	28	14	1,25
Tàu Superdong IV	2.080	306	28	13	2,5
Tàu Superdong V	1.518	275	26	10	1,5
Tàu Superdong VI	1.518	275	26	13	1,3
Tàu Superdong VII	2.420	275	31	14	2,25
Tàu Superdong VIII	2.420	275	31	14	2,25
Tàu Superdong IX	1.518	275	26	12	1,5
Tàu Superdong X	1.518	275	26	13	1,5
Tàu Superdong XI	1.518	275	26	14	2,5
Tàu Superdong XII	1.518	275	26	14	1,3
Tàu Superdong Côn Đảo I	2.080	306	27	14	2,5
Tàu Superdong Côn Đảo II	2.080	306	27	13	2,5
Tàu Superdong Phú Quý I	2.420	306	27	13	2,5
Tàu Superdong Phú Quý II	2.420	246	27	13	2,5
Phà Superdong PI	1.518	229	12	10	2,9
Phà Superdong PII	1.518	229	12	12	2,9



Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn tập trung phát triển đội tàu không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng với kỹ thuật an toàn, ổn định, tiện nghi, hiện đại; từ đó, tạo nên thành công của thương hiệu Superdong trong suốt thời gian qua.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người không chỉ dừng lại ở các nhu cầu thiết yếu, cơ bản mà ngày càng được mở rộng, nâng cao hơn. Nhu cầu di chuyển không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu kiếm sống, mà còn đáp ứng cả nhu cầu hưởng thụ của con người. Giao thông giữa đất liền và các đảo du lịch cùng giao thông giữa các đảo du lịch thể hiện rõ nhất điều này; đây cũng chính là mục tiêu, đối tượng chính mà Công ty nhắm tới.

“AN TOÀN - ỔN ĐỊNH – ĐÚNG GIỜ - THOẢI MÁI – TIỆN LỢI – DỊCH VỤ ĐA DẠNG – GIÁ CẢ HỢP LÝ” là những giá trị cốt lõi Công ty mong muốn đem tới cho khách hàng được thể hiện qua việc đầu tư nghiêm túc, bài bản từ phương tiện vận chuyển chuyên biệt, đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm cho đến hệ thống phân phối linh hoạt, phổ biến.

Công ty luôn luôn không ngừng nỗ lực vươn lên nhằm đem đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ ngày càng tốt hơn; từ đó, củng cố vững chắc vị trí dẫn đầu thị trường, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, du lịch, tăng nguồn thu cho ngân sách và tạo ra nhiều công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

Triển khai các mục tiêu nêu trên, đến nay Công ty đã đầu tư được thương hiệu Superdong vững mạnh với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc và 2 phà chuyên chở hành khách, phương tiện vận tải, hàng hóa phục vụ khách hàng tại Phú Quốc, Nam Du, Côn Đảo, Phú Quý, Hòn Nghệ và mở rộng các tiện ích đi kèm như bến cảng, dịch vụ xe trung chuyển, dịch vụ ăn uống nhanh, quà lưu niệm...

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Sự ô nhiễm môi trường và âm thanh

Vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng luôn được Công ty quan tâm, chấp hành bằng những hành động thiết thực. Hiện tại, Công ty đang hướng tới việc thực hiện mục tiêu giảm bớt khí thải và tiếng ồn phát ra môi trường bằng cách nâng cấp, cải tiến đội tàu và sử dụng các nhiên liệu phù hợp.

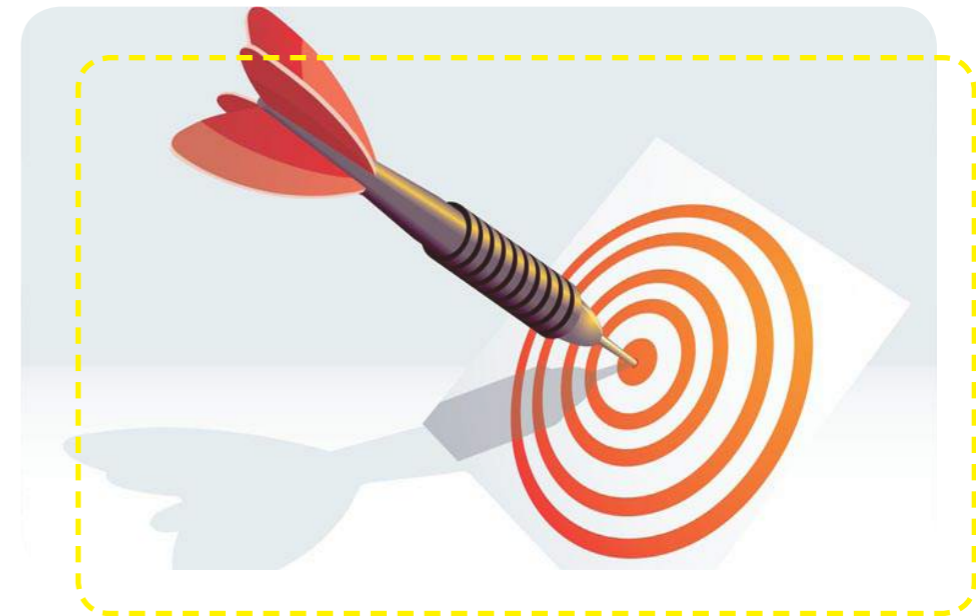


CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Huy động mọi nguồn lực vào việc tập trung phát triển lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải hành khách, hàng hóa bằng các phương tiện chuyên chở có tốc độ cao như tàu cao tốc, phà và phà cao tốc nhằm củng cố vững chắc vị thế dẫn đầu trong ngành.

Phát triển du lịch biển đảo đã trở thành xu hướng tất yếu, nhu cầu vận chuyển người và hàng hóa để phục vụ cho lĩnh vực này sẽ ngày càng gia tăng. Công ty đã bước đầu bắt nhịp được xu thế của thị trường và sẽ tiếp tục tận dụng các lợi thế của mình để khai phá thêm dư địa phát triển dồi dào của ngành thông qua việc tìm hiểu, khảo sát, đánh giá các thị trường tiềm năng nhằm tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động.

Các loại hình kinh doanh phụ trợ là phương tiện, công cụ để nâng đỡ, củng cố cho việc phát triển lĩnh vực kinh doanh chính. Công ty đã và sẽ tiếp tục đầu tư đúng mực, hợp lý cho việc xây dựng khu cầu cảng phức hợp với các dịch vụ ăn uống nhanh, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú, giải trí,...và dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp tàu biển.



Cam kết

Công ty đảm bảo chính sách lao động thỏa đáng, cạnh tranh nhằm khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; đồng thời, chủ động, tích cực tham gia vào các chương trình có ý nghĩa đối với môi trường, xã hội và cộng đồng như: ủng hộ bệnh nhân nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, ủng hộ hội khuyến học, ủng hộ xây dựng cầu – đường – trường – trạm, ...

Chính sách bảo hiểm, chế độ phúc lợi luôn được đảm bảo; từ đó, tạo được môi trường làm việc thân thiện, cạnh tranh và công bằng cho người lao động.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát hay tỷ giá hối đoái,... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chuỗi sản xuất – cung ứng – tiêu dùng khiến kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng tê liệt, trì trệ và suy giảm nghiêm trọng.

Về tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Năm 2020, dịch bệnh đã ảnh hưởng sâu rộng tới toàn bộ sự vận hành của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, giải thể, phá sản tăng lên. Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên là một điểm sáng của khu vực và thế giới khi tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất trên thế giới đạt 2,91% do áp dụng các giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội”.

CPI năm nay tăng 3,23% so với năm 2019, cơ bản là đạt được mục tiêu của Quốc hội đề ra là dưới 4%. Dù có những thành công nhất định trong phát triển kinh tế, song đại dịch Covid-19 đã và đang gây tác động bao trùm lên các ngành kinh tế, nghiêm trọng nhất phải nhắc tới ngành vận tải.

RỦI RO NHÂN SỰ

Ngành vận tải biển là ngành có đặc thù riêng, nhân sự cần được đào tạo chuyên sâu và thời gian tích lũy kinh nghiệm liên tục, lâu dài. Sự xuất hiện nhanh chóng của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải thủy bằng các phương tiện có tốc độ cao dẫn tới nguồn nhân lực trong ngành luôn trong tình trạng khan hiếm, cạnh tranh cao. Công ty đặc biệt quan tâm đến chính sách phúc lợi, đãi ngộ, đào tạo và môi trường làm việc ổn định, lâu dài, cạnh tranh nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao.

RỦI RO KHÁC

Cũng như những doanh nghiệp khác, Công ty không thể tránh khỏi việc gặp những rủi ro bất khả kháng như: dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ,... Đặc biệt trong năm 2020, Công ty đã trải qua một trong những rủi ro không thể đoán trước được là sự bùng phát của dịch Covid-19. Nhờ sự quyết liệt trong công tác phòng chống dịch, Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định về kiểm hãm dịch bệnh bùng phát, nền kinh tế đang dần hồi phục. Công ty cũng đã chủ động tham gia vào công tác phòng chống dịch như thực hiện đúng tinh thần của các chỉ đạo về giãn cách xã hội, phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền, yêu cầu toàn thể người lao động và khách hàng sử dụng dịch vụ thực hiện quy định 5K.

Nhu cầu đi lại của người dân giảm mạnh, so với năm trước, bình quân giá vé máy bay giảm 34,7%; giá vé tàu hỏa giảm 2,12%. Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Chính phủ, các cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương đã tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh. Nhu cầu đi lại, du lịch giảm trong thời gian giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu chung tình trạng này. Đi cùng diễn biến của dịch bệnh, hoạt động của Công ty bị suy giảm nghiêm trọng, thậm chí đã có những giai đoạn buộc phải ngừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhằm phục vụ cho mục tiêu chống dịch.

RỦI RO THỜI TIẾT

Thời tiết là một trong những yếu tố gây ảnh hưởng tới lịch trình, tần suất khai thác, sự an toàn, tiêu hao nhiên liệu và trải nghiệm của các khách hàng đối với các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành. Biến đổi khí hậu làm cho diễn biến thời tiết có xu hướng bất thường và cực đoan hơn. Công ty luôn chủ động cập nhật liên tục về dự báo thời tiết, nâng cấp tàu hiện đại, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn, tham gia bảo hiểm đầy đủ và chấp hành đầy đủ các hướng dẫn, yêu cầu, chỉ đạo về an toàn của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

RỦI RO CẠNH TRANH VÀ SẢN PHẨM THAY THẾ

Kinh tế ngày càng phát triển, của cải vật chất ngày càng gia tăng làm cho nhu cầu vận chuyển cũng tăng theo. Thời gian gần đây, liên tục xuất hiện các hãng hàng không mới có thời gian bay nhanh, giá vé ngày càng hợp lý đã tác động đến sự lựa chọn của hành khách. Dù vậy, lĩnh vực vận tải thủy theo tuyến cố định bằng các phương tiện cao tốc tại địa phương lại có những lợi thế riêng mà hàng không khó có thể thay thế được như địa bàn hoạt động với khách hàng mục tiêu chủ yếu đến từ khu vực đồng bằng sông Cửu Long với dân số đông, độ tuổi trung bình trẻ vốn luôn quan tâm đến chi phí, thời gian di chuyển, sự tiện lợi trong việc di chuyển.

Môi trường kinh doanh ngày một hoàn thiện, minh bạch hơn cũng như sự tăng trưởng đột biến của du lịch biển đảo đã mang đến nhiều tên tuổi mới gia nhập ngành, tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn. Là một doanh nghiệp trưởng thành, lớn mạnh lên trong cạnh tranh, Công ty luôn ý thức được cạnh tranh vừa là thử thách, vừa là động lực để vươn lên. Trải qua hơn 17 năm, thương hiệu Superdong đã trở thành thương hiệu uy tín, tin cậy đối với các khách hàng gần xa. Công ty luôn chủ động nắm bắt xu hướng của thị trường để đưa ra các chiến lược, giải pháp tiên phong để từ đó, đón đầu nhu cầu thị trường, khẳng định vị thế của doanh nghiệp dẫn đầu thị trường

Ở khía cạnh khác, sự phát triển của ngành hàng không không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh, thậm chí nếu các hãng hàng không có tăng nhiều chuyến bay hơn nữa thì lại càng giúp cho Công ty có thêm nhiều hành khách và hàng hóa để trung chuyển từ các đảo du lịch vào trong đất liền và ngược lại.

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Dầu DO là nguồn nhiên liệu chính của Công ty chiếm khoảng 50% chi phí kinh doanh chính. Khi giá dầu có biến động, yếu tố bị ảnh hưởng trực tiếp đầu tiên sẽ là lợi nhuận của Công ty. Công ty có mối quan hệ hợp tác bền chặt với các nhà cung cấp nguồn nguyên nhiên liệu hàng đầu tại địa phương để có được chính sách giá hợp lý; đồng thời, thực hiện công tác điều phối tàu khoa học, linh hoạt cũng như cải tiến đội tàu nhằm tiết giảm nhiên liệu, tối ưu hóa lợi nhuận

Năm 2020, giá nhiên liệu, cụ thể là giá dầu DO có sự điều chỉnh giảm so với năm trước, nhưng sự điều chỉnh này không thực sự mang lại tác động lớn tới hiệu quả kinh doanh trong năm của doanh nghiệp do tác hại nghiêm trọng từ dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực tới nhu cầu di chuyển của người dân, khi giá dầu thấp nhất cũng là lúc doanh nghiệp đang phải ngưng hoạt động theo chỉ đạo về chống dịch. Hiện, giá dầu DO đang có xu hướng nhích dần lên; Công ty đang thực hiện tốt việc quản lý chi phí, nhất là các chi phí về nhiên liệu, là một trong những lợi thế cạnh tranh hàng đầu để kịp thời bắt nhịp lại và tạo đà cho việc khôi phục hoạt động kinh doanh khi đại dịch được đẩy lùi.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp vận tải hành khách và hàng hóa hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và đã niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, hoạt động của Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi các luật như: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Hàng hải, Luật về thuế xuất nhập khẩu,... Hiện, hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, cần trải qua nhiều lần thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung gây khó khăn trong việc áp dụng. Công ty luôn chủ động cập nhật để nắm rõ, vận dụng phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp để thực hiện tốt các quy định hiện hành.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	%TH/KH 2020	%TH 2020/2019
Vốn điều lệ	633.317	633.317	633.317	100%	100%
Doanh thu thuần	452.143	353.493	304.339	86,1%	67,31%
Lợi nhuận sau thuế	101.100	30.847	22.708	73,61%	22,46%
LNST/DTT	22,36%	8,73%	7,46%	-	-
LNST/VĐL	15,96%	4,87%	3,59%	-	-

Năm 2020 là một trong những năm khó khăn nhất kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty không chỉ chịu áp lực từ sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty cùng ngành mà còn chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19. Mỗi đợt bùng dịch kéo theo giãn cách xã hội đã làm tê liệt hoạt động du lịch tại các địa bàn hoạt động, Công ty đã phải điều chỉnh kế hoạch kinh doanh đến 03 lần cho phù hợp với tình trạng chung của thị trường nhưng vẫn chưa theo kịp được diễn biến khó lường của các đợt bùng dịch. Nhằm tuân thủ các biện pháp chống dịch theo sự chỉ đạo của chính quyền, có những lúc tất cả các hãng tàu phải hạn chế sức chở, thậm chí còn phải tạm ngưng hoạt động; sau đó, một số hãng tàu đã phải cắt giảm số chuyến rồi chủ động tạm dừng kinh doanh một thời gian. Trong bối cảnh đó, Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động đã bình tĩnh, kiên cường vượt khó khăn, vận dụng mọi nguồn lực có thể để giúp Công ty vẫn đạt được lợi nhuận sau thuế trên 22 tỷ dù mới hoàn thành gần 74% kế hoạch.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình đầu tư
- Thông tin tài chính

CƠ CẤU DOANH THU TỪNG TUYẾN

ĐVT: Đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc	81.653.286.993	18,1%	44.339.057.793	14,6%
Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc	141.584.710.356	31,3%	109.562.241.362	36,0%
Tuyến Rạch Giá - Nam Du	86.848.111.201	19,2%	70.782.081.857	23,3%
Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo	64.434.872.229	14,3%	32.830.005.662	10,8%
Phà	29.981.161.456	6,6%	12.976.220.742	4,3%
Tuyến Phan Thiết - Phú Quý	44.760.719.946	9,9%	29.291.759.510	9,6%
Tuyến Nam Du - Phú Quốc	149.671.520	0,0%	2.484.996.576	0,8%
Tuyến Phú Quốc - Thổ Châu	-	0,0%	502.727.274	0,2%
Tuyến Rạch Giá - Hòn Nghệ	-	0,0%	54.178.110	0,0%
Bến tàu Trần Đề	569.056.362	0,1%	350.750.907	0,1%
Xe trung chuyển	2.161.454.676	0,5%	1.165.445.529	0,4%

Doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty được đóng góp từ 02 nguồn gồm lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải bằng tàu cao tốc cùng phà và lĩnh vực kinh doanh phụ trợ là bến phức hợp và xe trung chuyển. Hai bảng cơ cấu tỷ trọng nêu trên đã phản ánh đúng chiến lược kinh doanh của Công ty là tập trung toàn lực vào ngành nghề kinh doanh chính, các ngành phụ trợ giúp củng cố việc duy trì vị thế đầu ngành cho doanh nghiệp, Công ty không đề cao mục tiêu thu lợi nhuận từ các lĩnh vực phụ trợ.



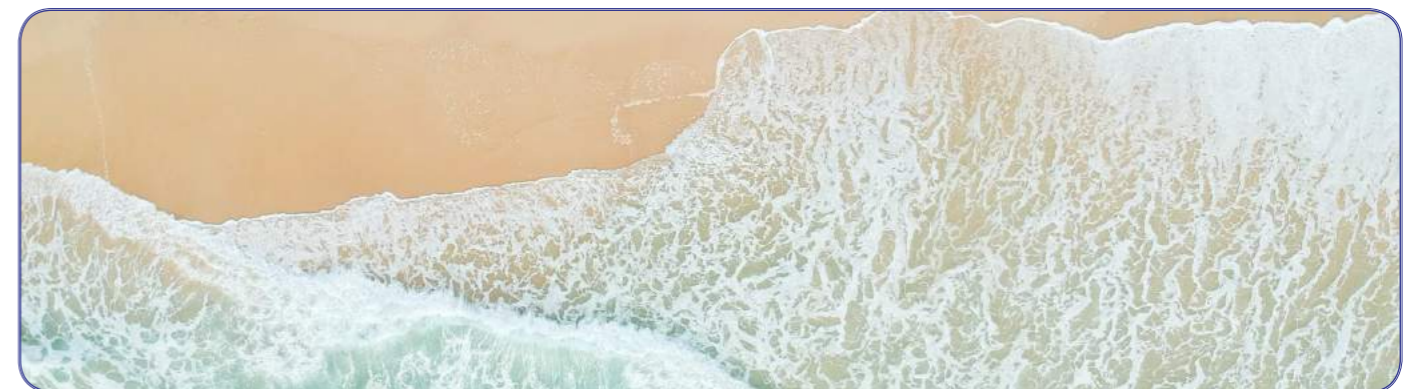
Các đối tượng khách hàng mục tiêu chủ yếu của Công ty là người dân địa phương, khách du lịch và người lao động trên các đảo. Dịch Covid-19 đã gây ra sự biến động đột ngột trong tỷ trọng đóng góp của các đối tượng khách mục tiêu này. Ngoại trừ tuyến Rạch Giá – Nam Du có đặc thù riêng về giá rẻ, thời gian di chuyển, lưu trú thì những tuyến có tỷ lệ khách du lịch cao như Hà Tiên – Phú Quốc, Sóc Trăng – Côn Đảo và Phan Thiết – Phú Quý bị sụt giảm đáng kể lượng khách du lịch tới các địa điểm này, làm cho tốc độ suy giảm doanh thu và lợi nhuận của các tuyến này mạnh hơn. Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc vẫn là tuyến mang lại doanh thu và lợi nhuận gộp cao nhất cho Công ty.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP TỪNG TUYẾN

ĐVT: Đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc	29.321.440.355	19,3%	4.448.930.440	6,7%
Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc	58.180.810.297	38,3%	40.133.883.610	60,5%
Tuyến Rạch Giá - Nam Du	33.010.642.369	21,7%	24.673.168.236	37,2%
Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo	26.227.639.762	17,3%	7.741.640.152	11,7%
Phà	(4.457.316.301)	-2,9%	(10.559.729.039)	-15,9%
Tuyến Phan Thiết - Phú Quý	11.275.339.024	7,4%	3.725.852.143	5,6%
Tuyến Nam Du - Phú Quốc	47.657.992	0,0%	(210.122.379)	-0,3%
Tuyến Phú Quốc - Thổ Châu	-	0,0%	57.398.983	0,1%
Tuyến Rạch Giá - Hòn Nghệ	-	0,0%	5.762.339	0,0%
Bến tàu Trần Đề	(1.242.379.573)	-0,8%	(1.985.331.034)	-3,0%
Xe trung chuyển	(570.948.839)	-0,4%	(1.669.534.125)	-2,5%

Ngoài các tuyến hiện hữu, năm qua Công ty đã tiếp tục khai thác thêm 03 tuyến mới là Phú Quốc – Nam Du, Phú Quốc – Thổ Châu và Rạch Giá – Hòn Nghệ. Tuyến Phú Quốc – Thổ Châu hoạt động theo thỏa thuận với chính quyền địa phương, đồng thời cũng là bước thử nghiệm cho thời gian tới. Hai tuyến còn lại được khai thác để triển khai kế hoạch mở rộng thêm các tuyến vệ tinh nhằm tối ưu hóa lợi nhuận; song do diễn biến khó lường của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến kế hoạch hoạt động của các tuyến này.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Nhằm triển khai chiến lược kinh doanh trung và dài hạn trong tình hình mới, Công ty đã tiến hành đầu tư vào các phương tiện vận tải, cơ sở hạ tầng và khai thác tuyến mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng quy mô hoạt động. Tuy nhiên, dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh mà còn ảnh hưởng tới cả hoạt động đầu tư của Công ty.

- Về các phương tiện vận tải:

Công ty đang triển khai đầu tư hai phà cao tốc mới được đóng bởi đối tác tại Malaysia là Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD. Hiện, phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc đã đóng xong nhưng chưa thể đưa về Việt Nam do bến bãi hoạt động chưa được hoàn thành theo kế hoạch. Bên cạnh đó, phà cao tốc thay thế cho tàu cao tốc cũng bị chậm tiến độ do ảnh hưởng của dịch như máy móc, trang thiết bị không được bàn giao đúng thời hạn, đăng kiểm không thể qua xưởng đóng tàu để kiểm định do phong tỏa và cấm bay quốc tế...

- Về đầu tư tuyến mới:

Cuối năm 2019 và nửa cuối năm 2020, Công ty đã khai trương 02 tuyến mới là Phú Quốc – Nam Du và Rạch Giá – Hòn Nghệ nhằm tạo ra thêm lựa chọn cho du khách yêu thích du lịch biển. Các làn sóng bùng dịch thứ nhất, thứ hai và thứ ba đã gây ảnh hưởng đến kế hoạch, lịch trình khai thác các tuyến này.

- Về đầu tư cơ sở hạ tầng:

Triển khai dự án đầu tư khu phức hợp cảng Trần Đề (Sóc Trăng) để phục vụ cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Công ty đã hoàn thành giai đoạn 01 của dự án để đưa vào khai thác dịch vụ bến bãi, gia tăng thêm tiện ích của khách hàng. Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu để triển khai thêm các giai đoạn sau sao cho phù hợp với tình hình kinh doanh và phát triển tuyến tại địa bàn.

Với mục đích xây dựng khu hậu cần phục vụ cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, Công ty đã thực hiện đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 18, khu phố 1, phường Tô Châu, Thành phố Hà Tiên. Do một số vướng mắc về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty và UBND Thành phố Hà Tiên đã thống nhất hủy kết quả trúng đấu giá, hoàn tiền trúng thầu cùng các chi phí khác theo quy định và thỏa thuận. Hiện, hai bên vẫn tiếp tục làm việc và thương thảo nhưng vẫn chưa thống nhất về việc xác định lãi suất và thời điểm thanh toán.



THÔNG TIN TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	% Tăng/Giảm
Doanh thu thuần	452.143.044.739	304.339.465.322	-32,69%
Giá vốn hàng bán	300.350.159.653	237.977.545.996	-20,77%
Lợi nhuận gộp	151.792.885.086	66.361.919.326	-56,28%
Lợi nhuận trước thuế	106.622.569.980	24.890.261.988	-76,65%
Lợi nhuận sau thuế	101.100.416.328	22.708.584.409	-77,54%

Tương tự như các công ty trong cùng ngành vận tải, dịch Covid-19 và giãn cách xã hội đã ảnh hưởng trầm trọng tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đặc thù ngành nghề và yêu cầu về phòng chống dịch bệnh mà tốc độ suy giảm của các chỉ tiêu như doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế có sự phân hóa khác nhau. Tính đến hết năm, doanh thu thuần của Công ty đạt 304 tỷ đồng, giảm 32,7% so với năm trước; trong khi đó, giá vốn hàng bán chỉ giảm 20,8% do chi phí nguyên liệu dầu DO đã giảm mạnh nhưng các chi phí khác vẫn phải duy trì hoặc giảm không đáng kể như chi phí khấu hao tài sản, chi trả lương cho người lao động, giá vốn thiết bị, vật tư khác... làm cho lợi nhuận gộp giảm mạnh đến 56,28% so với năm ngoái và ghi nhận ở mức 66,3 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tuy lịch trình khai thác bị ảnh hưởng lớn nhưng Công ty vẫn phải đối mặt với các áp lực về cạnh tranh về thị phần và nguồn nhân lực, Công ty vẫn phải chi trả cho các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để duy trì ổn định mọi mặt của doanh nghiệp dẫn tới lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế suy giảm mạnh hơn so với các chỉ tiêu khác, ghi nhận lần lượt là 24,9 tỷ đồng và 22,7 tỷ đồng, giảm trên 76% so với cùng kỳ.



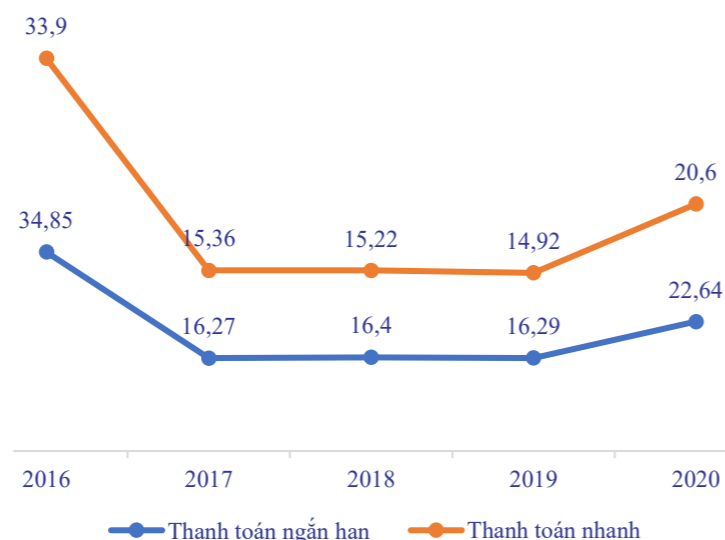
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Thanh toán ngắn hạn	Lần	16,29	22,64
Thanh toán nhanh	Lần	14,92	20,60
Hệ số cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,92%	1,55%
Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu	%	1,96%	1,58%
Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,65	9,06
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,50	0,34
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	22,36%	7,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	11,39%	2,55%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	11,16%	2,50%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	23,29%	7,83%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

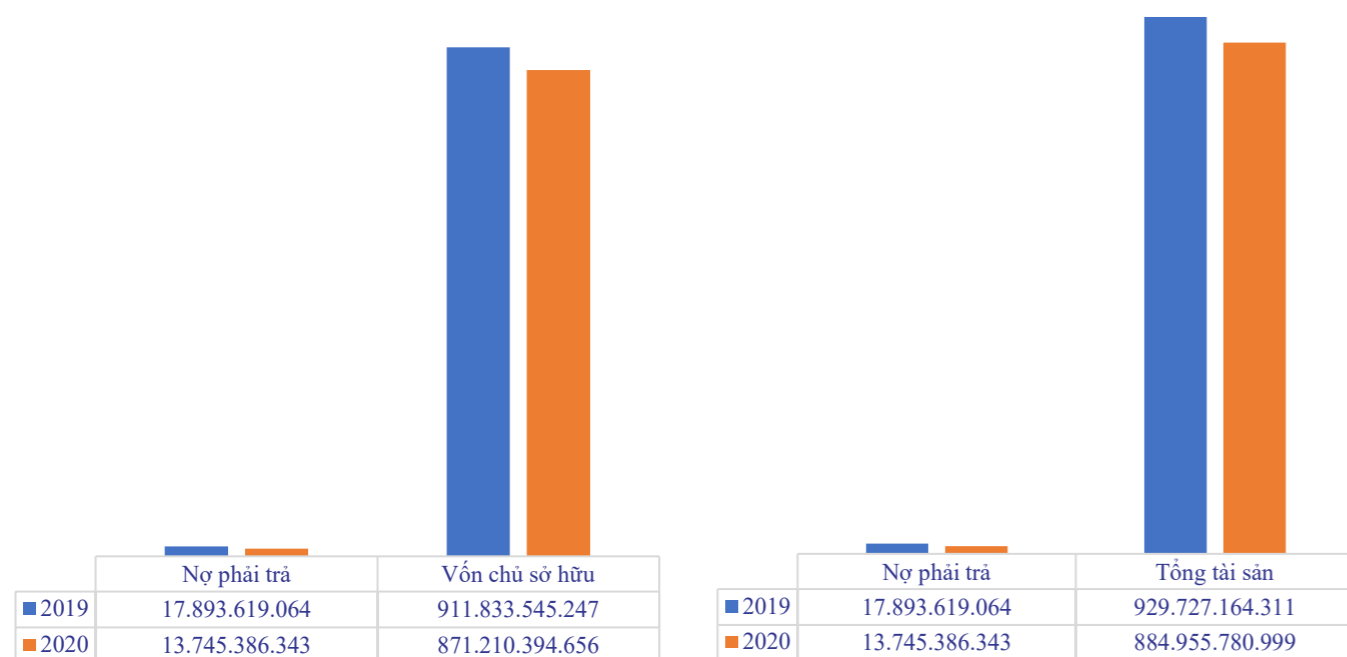
Do đặc thù kinh doanh, chủ yếu là thu tiền từ hoạt động cung cấp dịch vụ, không có quá nhiều các khoản nợ ngắn hạn, các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty luôn duy trì ở mức cao, đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ khi đến hạn, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng đáng kể từ 16,29 lần đến 22,64 lần, khả năng thanh toán nhanh là 20,60 lần. Dù tình hình kinh doanh chịu sự tác động của dịch Covid-19 nhưng Công ty vẫn duy trì được nguồn lực tài chính dồi dào, không có nợ dài hạn góp phần đảm bảo cho việc chủ động trong hoạt động kinh doanh và đầu tư.



Hệ số cơ cấu vốn

Cơ cấu nguồn vốn năm 2020 có sự giảm nhẹ ở cả 2 Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu. Khoản mục nợ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tài sản và nguồn vốn của Công ty chỉ rơi vào khoảng 1-2% do bản chất đặc thù của ngành dịch vụ và chiến lược kinh doanh không sử dụng các khoản vay của Công ty. Hiện tại các khoản nợ đều là nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn.

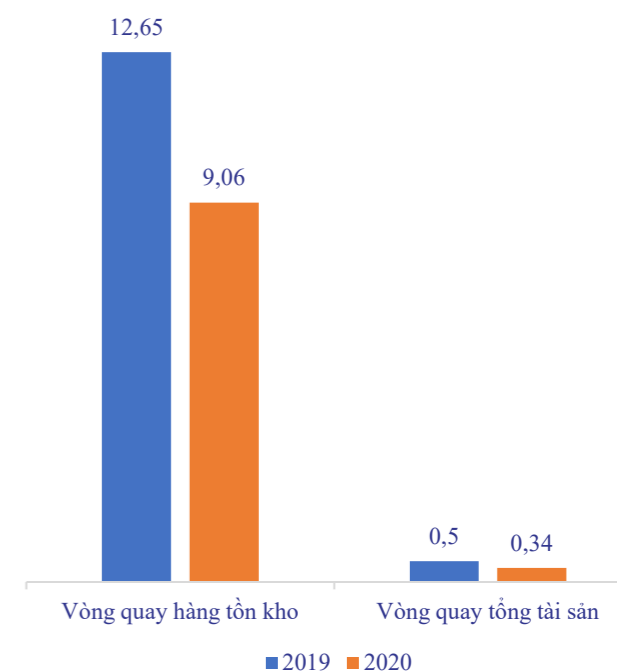
Ngoài ra, tài sản và vốn chủ sở hữu vẫn đang ở mức ổn định thể hiện sự cẩn trọng trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính cũng như là tiềm năng tài chính mạnh mẽ của Công ty.



Năng lực hoạt động

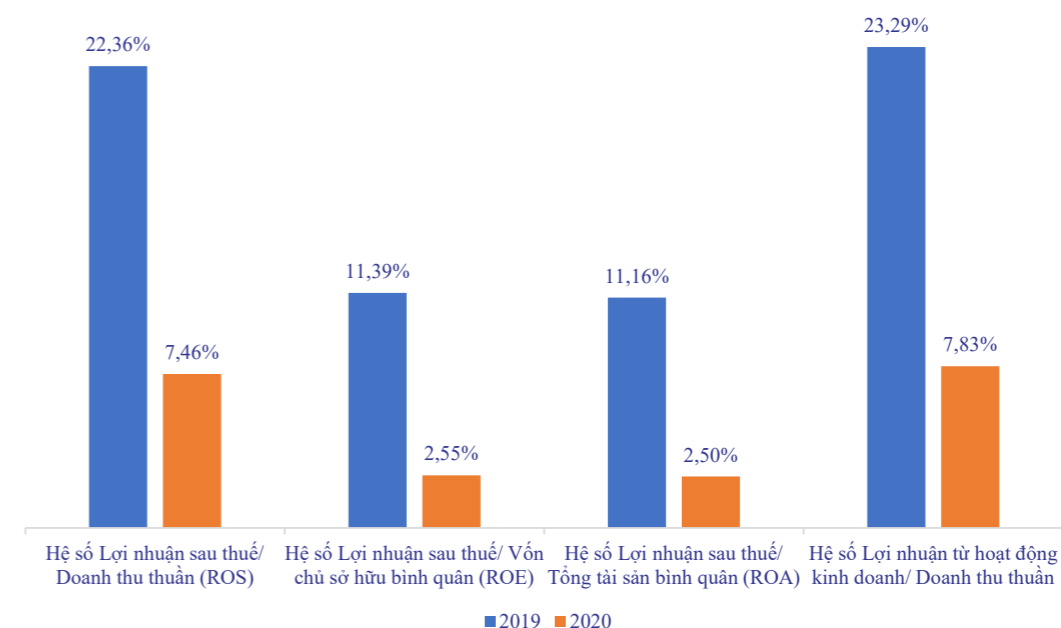
Cũng giống như các chỉ số trên, năng lực hoạt động của Công ty cũng giảm do dịch bệnh, thể hiện rõ ở mức vòng quay hàng tồn kho từ 12,65 vòng trong năm 2019 xuống còn 9,06 vòng năm 2020. Hàng tồn kho chủ yếu của Công ty là nhiên liệu, phụ tùng và các hàng hóa.

Dịch bệnh khiến việc hoạt động của Công ty bị ngưng trệ nên hàng tồn kho có xu hướng gia tăng trong khi giá vốn hàng bán của Công ty thì ngược lại theo mức độ hoạt động của các tuyến tàu là nguyên nhân chính làm cho chỉ số vòng quay này suy giảm đáng kể. Tuy nhiên, việc duy trì lượng hàng tồn kho như hiện tại có thể giúp Công ty đáp ứng được nhu cầu một cách nhanh chóng khi dịch bệnh được kiểm soát và thị trường thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, Vòng quay tổng tài sản của Công ty cũng giảm theo, khoảng 33% so với cùng kỳ năm ngoái. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát, thị trường thuận lợi hơn, khi đó, doanh thu tăng trở lại thì hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty sẽ lại được gia tăng.



Chỉ số về khả năng sinh lời

Kết thúc năm 2020, hầu như toàn bộ chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều sụt giảm rõ rệt so với cùng kỳ năm ngoái do tình hình kinh doanh không thuận lợi, doanh thu thuần giảm 147,8 tỷ và lợi nhuận sau thuế giảm hơn 78,4 tỷ; kéo theo sự suy giảm của ROE và ROA chỉ dừng lại ở mức 2,55% và 2,50%. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế trong năm đã hoàn thành được hơn 73% so với kế hoạch đề ra ban đầu, đây là tín hiệu khả quan cho thấy trong tương lai gần khi nền kinh tế được phục hồi thì tình hình kinh doanh của ngành vận tải biển nói chung và cả Công ty nói riêng cũng sẽ được kéo theo hướng tích cực.



CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành

Chi tiết về thành viên Hội đồng quản trị

Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	12/09/1981
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp; Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004.

Quá trình công tác

2003 – 2007	Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang.
2008 – 2009	Phó Phòng Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
2010 – 2011	Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
04/2011 – 04/2014	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
2012 – 04/2014	Giám đốc Hành Chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
04/2014 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số lượng CP nắm giữ	5.040.166 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,96% VDL.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị
- Ban Điều hành
- Những thay đổi nhân sự
- Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động

Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	07/04/1986
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Luật Kinh tế.
Quá trình công tác	
Từ 2010 – 04/2018	Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
Từ 04/2018 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số lượng CP nắm giữ	14.844 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,023% VDL.

Bà La Xuân Đào - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh	10/07/1959
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 1983 - 1998	Giảng viên, Phó Trưởng bộ môn Kế toán – Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Cần Thơ.
Từ 1998 – 2002	Chuyên viên tư vấn Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán AFC Saigon.
Từ 2003 - 2010	Giảng viên, Trưởng bộ môn Kế toán Kiểm toán Đại học Quốc gia Tp.HCM.
Từ 2011 - 2012	Phó trưởng khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp.HCM.
Từ 2012 - 2014	Trưởng khoa, Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp.HCM.
Từ 2015 - 2017	Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp.HCM.
Từ 2017 - 07/2019	Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp.HCM.
Từ 04/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 8/2019 - 12/2019	Nghỉ hưu theo chế độ.
Từ 1/2020 - nay	Giảng viên bán hữu cơ Trường Đại học Mở TP HCM.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên BKS Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Tp.HCM (ITC).
Số lượng CP nắm giữ	Không nắm cổ phần.

Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	12/03/1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Sư; Cử nhân Ngoại ngữ; Cao cấp chính trị; Quản lý kinh tế.
Quá trình công tác	
1975 – 1987	Công tác tại Sở Văn hóa Thông tin TP.HCM. <ul style="list-style-type: none">Phó chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam;Phó chủ tịch Hiệp hội Du lịch TP.HCM;
1988 - 2012	<ul style="list-style-type: none">Ủy viên thường vụ Hiệp hội Công thương TP.HCM;Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên đoàn chủ tịch trung ương Hội liên hiệp phụ nữ VN khóa 7, 8, 9, 10, 11;Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình.
2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT Du lịch thương mại Hòa Giang. <ul style="list-style-type: none">Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;
2012 đến nay	<ul style="list-style-type: none">TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hòa Bình - Phú Quốc.
2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Giang - Phú Quốc.
2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh. <ul style="list-style-type: none">Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;Chủ tịch HĐQT CTCP Du Lịch Thương Mại Hòa Giang;Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Phú Quốc;Chủ tịch HĐQT CTCP Hoà Giang Phú Quốc;Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác	
Số lượng CP nắm giữ	640.008 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,011% VDL.

Ông Tăng Siêu Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	07/11/1990
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none">Thạc sỹ ngành Thương mại;Cử nhân Kinh tế tài chính – Chuyên ngành Phân tích tài chính.
Quá trình công tác	
Từ 14/09/2015 - 18/03/2016	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC).
Từ 18/07/2016 - 01/08/2018	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
Từ 16/08/2018 - 31/01/2019	Chuyên viên phân tích Quỹ đầu tư Phoenix Capital.
Từ 04/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 01/03/2019	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh.
Số lượng CP nắm giữ	Không nắm cổ phần.

Ông Phan Hồng Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh	12/01/1980
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none">Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán;Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng;Chứng nhận bồi dưỡng Kiểm toán viên.
Quá trình công tác	
Từ 2003 – 2005	Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Trung lập.
Từ 2006 – 2007	<ul style="list-style-type: none">Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM DV Rỗng Lửa;Cộng tác viên Công ty Hợp Danh Kiểm Toán Việt Nhật.
Từ 2008 – 2015	<ul style="list-style-type: none">Kế toán trưởng Công ty TNHH May Effort;Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ;Cộng tác viên Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhật.
Từ 2016 đến nay	<ul style="list-style-type: none">Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam);Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ.
Từ 04/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 05/2018 - nay	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam).
Số lượng CP nắm giữ	Không nắm cổ phần.

Ông Puan Kwong Siing - Thành viên Hội đồng quản trị

Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Ban Điều hành Công ty



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CƠ CẤU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ
1	Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng

Chi tiết về thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Puan Kwong Siing - Tổng Giám đốc

Năm sinh	14/06/1965
Trình độ chuyên môn	Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác	
1987 – 1989	Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD.
1994 – 1999	Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD.
1990 - 05/2014	Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN BHD.
1990 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD.
2008 – 2009	Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
2010 đến nay	<ul style="list-style-type: none">Tổng giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD
Số lượng CP nắm giữ	10.470.757 cổ phần chiếm tỷ lệ 16,533% VDL.

Năm sinh	13/08/1979
Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
2001 - 2007	Quản lý sản xuất tại Công ty Lead Well Industrial Việt Nam.
2008 - 2010	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan.
2011 - 05/2016	Trợ lý Giám đốc Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
06/2016 - nay	Phó TGD Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số lượng CP nắm giữ	33.101 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,052% VDL.

Bà Bùi Thị Hồng Đào - Kế toán trưởng

Năm sinh	22/10/1984
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
Quá trình công tác	
06/2007 – 05/2009	Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng CTS Software. Trưởng phòng Kế toán TKM Group (gồm 3 Công ty và 1 Cửa hàng). <ul style="list-style-type: none"> Công ty Cổ Phần Chúng Ta Đẹp; Công ty TNHH Toàn Phúc; DNTN TM Thiện Kim; Cửa hàng Hưng Thuận.
06/2009 – 04/2014	Kế toán trưởng tại YouNet Group (gồm 6 Công ty và 1 Văn phòng). <ul style="list-style-type: none"> Công ty Cổ Phần YouNet; Công ty Cổ Phần YouNet Media; Công ty Cổ Phần YouNet Social Intranet; Công ty Cổ Phần YouNet Digital; Công ty Cổ Phần Buzz Metrics; Công ty Cổ Phần Smart City; Văn phòng tại US - YouNet LLC.
05/2014 – 08/2019	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số lượng CP nắm giữ	Không nắm cổ phần.

Công ty không bầu lại Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ mới do có sự thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý từ mô hình có Ban Kiểm soát (Theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014) sang mô hình không có Ban Kiểm soát (Theo điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014).

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH

Công ty có 392 người trong đó 231 người lao động trực tiếp, 161 người lao động gián tiếp

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2020	Tỷ lệ
Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	392	100%
Phân theo trình độ chuyên môn		
Cao đẳng, đại học, trên đại học	144	36,7%
Trung cấp chuyên nghiệp	42	10,7%
Sơ cấp chuyên nghiệp	110	28,1%
Phổ thông và công nhân kỹ thuật	96	24,5%
Phân theo hợp đồng		
Hợp đồng không xác định thời hạn (người)	86	21,9%
Hợp đồng xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm (người)	304	77,6%
Hợp đồng thời vụ (người)	2	0,5%

Chính sách đối với người lao động

- Đào tạo : Công ty luôn tạo điều kiện cho nhân viên có nhu cầu nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và tổ chức nhiều lớp học nâng cao tin chỉ thuyền viên theo từng khu vực như Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc
- Tiền lương, thưởng : Năm 2020 là một năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng Công ty vẫn đảm bảo không nợ hay cắt giảm lương của người lao động; thậm chí, Công ty đã thực hiện tăng lương đối với những nhân viên đã đi học nâng cao nghiệp vụ và được bố trí vào những chức danh phù hợp với trình độ chuyên môn hiện có.
- Công ty đã và đang dần dần hình thành văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường thân thiện, cạnh tranh lành mạnh từ đó góp phần tạo nên sức mạnh tập thể, sức mạnh của thương hiệu Superdong.

Đánh giá chất lượng nguồn lao động

Để đáp ứng sự phát triển không ngừng của Công ty trong thời gian qua, nguồn nhân lực cũng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự. Công ty rất chú trọng đào tạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên, thuyền viên nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý, tư vấn, giám sát, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc. Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên, thuyền viên có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo chính quy, bài bản về các lĩnh vực chuyên môn, có kiến thức tương đối toàn diện để phục vụ tốt hơn trong công việc mình phụ trách, có khả năng thích nghi nhạy bén với xu thế mới và mang tính hội nhập cao.



Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày và không vượt quá 48 giờ một tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, nhân viên của Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết

- Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo số tháng thực tế làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

Điều kiện làm việc

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho nhân viên, thuyền viên gồm 3 bộ đồng phục/năm/nhân viên, được đào tạo về an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ tại các bệnh viện lớn như Bệnh viện quốc tế Vinmec, Bình An, Hoàng Tuấn, An Phước nhằm đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cho toàn thể người lao động.



Đào tạo

- Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc cử nhân viên, thuyền viên tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành và nâng cao phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí công tác hiện tại, định hướng phát triển tương lai của Công ty. Nhân viên, thuyền viên đảm bảo có trình độ chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm và kỹ năng tốt đáp ứng yêu cầu công việc, phù hợp với hoạt động của Công ty và khả năng phát triển. Cụ thể, trong năm 2020, đã có tổng cộng 55 thuyền viên tham gia học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và đã chính thức có bằng cấp, trong đó có 02 thuyền viên học nâng cao từ chức danh đại phó lên chức danh thuyền trưởng, 08 thuyền viên từ chức danh sỹ quan boong lên chức danh đại phó, 04 thuyền viên với chức danh máy hai học nâng cao thành máy trưởng, 07 sỹ quan máy nâng cao thành máy hai, 07 thợ máy nâng cao thành thợ máy OS, 08 thợ máy OS nâng cao thành thợ máy AB, 9 thủy thủ OS học nâng cao thành thủy thủ AB, 10 phục vụ học nâng cao thành thủy thủ.
- Kế hoạch 2021: Trong trường hợp dịch Covid-19 được khống chế tốt, mọi hoạt động kinh doanh đi vào ổn định, Công ty sẽ triển khai đưa phà cao tốc FFI vào hoạt động, Công ty sẽ tổ chức bồi dưỡng kỹ năng vi tính, Anh văn giao tiếp cho nhân viên khối lao động trực tiếp và lớp quản lý cấp trung cho các cấp phó, trưởng tại các phòng ban.

Kế hoạch lương năm 2021

- Theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 áp dụng cho ngày 01/01/2020 thì mức lương tối thiểu vùng không thay đổi.
- Theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP lương cơ sở năm 2021 cũng không tăng vì tình hình dịch bệnh gây nên khó khăn cho tất cả hoạt động kinh doanh trên diện rộng của cả nước.
- Tình hình dịch Covid-19 vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ có khả năng bùng phát lại trên diện rộng. Dự kiến, hoạt động kinh doanh năm 2021 sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trở ngại, để đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh nhằm duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, Công ty phải áp dụng một số giải pháp giúp cho việc sử dụng các nguồn lực được hợp lý nhất; theo đó, Công ty sẽ tạm thời không thực hiện chính sách tăng lương định kỳ hàng năm trong năm 2021 đối với toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty trong 06 tháng đầu năm; đồng thời, sẽ duy trì nguồn lao động hiện hữu bằng cách đảm bảo chi trả lương cũng như đóng bảo hiểm đầy đủ. Công ty sẽ chỉ xét tăng lương cho một số trường hợp đặc biệt, chủ yếu là thuyền viên để duy trì tốt hoạt động của các tàu/phà theo quy định của pháp luật.

Chính sách thưởng

- Nhằm khuyến khích động viên nhân viên gia tăng hiệu quả làm việc và đóng góp cho sự phát triển của Công ty, Công ty có chính sách xét thưởng cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp đặc biệt vào kết quả hoạt động chung của Công ty hàng năm.
- Chế độ thưởng tết năm 2020: mặc dù kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra nhưng nhằm ghi nhận sự nỗ lực, khuyến khích động viên để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài, cống hiến cùng sự phát triển, căn cứ vào bảng đánh giá của các trưởng bộ phận Công ty đã chi thưởng cho năm 2020 với mức tối đa là 1,15 tháng lương/nhân viên.
- Chế độ thưởng vào những ngày Lễ trong năm: cắt giảm khoản thưởng vào các ngày Lễ lớn trong năm.

Chính sách lương

- Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.
- Lương bình quân từ năm 2010 đến năm 2020:

Năm	Lương bình quân	Tỷ lệ tăng (%)	Giải trình
2010	7.752.000	+92,4%	Tăng cao do tuyển dụng nhiều nhân viên ở cấp quản lý
2011	9.596.000	+23,8%	Tăng cao do tuyển thêm nhiều nhân sự chủ chốt
2012	9.509.000	-0,9%	Thực tế tỷ lệ tăng lương từ 3 - 40% tùy từng công việc; tuy nhiên do thường xuyên nhập khẩu tàu mới nên Công ty phải tuyển lao động mới liên tục. Nhân viên mới có mức lương thấp nên ảnh hưởng đến lương bình quân chung toàn
2013	9.083.000	-4,8%	Công ty.
2014	8.084.000	-11%	Năm 2015, tỷ lệ tăng lương thực tế từ 5 – 30%; Tuy nhiên, việc tuyển dụng 57 nhân sự mới có mức lương thấp hơn so với mặt bằng chung đã tác động tới mức lương bình quân toàn Công ty
2015	8.115.909	+0,4%	Tăng từ 8 -13% tùy từng vị trí công việc; Trong đó, cấp quản lý tăng từ 8 – 10%, cấp nhân viên tăng 13%.
2016	8.570.426	+5,6%	Tăng từ 7 -15% tùy thuộc vào năng lực làm việc của mỗi nhân viên. Công ty tuyển thêm nhiều nhân viên để phục vụ cho tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo, và tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc, nhân viên mới có mức lương khởi điểm thấp đã tác động đến mức lương bình quân toàn Công ty.
2017	8.617.337	+0,5%	Tăng từ 7 đến 15% tùy thuộc vào năng lực làm việc của mỗi nhân viên
2018	9.417.489	+9,29%	Năm 2019 là năm hoạt động gặp nhiều khó khăn từ cạnh tranh với những hãng tàu khác, bão và sóng gió liên tục gây thiệt hại về doanh thu nhưng vì yếu tố cạnh tranh về nhân sự và khan hiếm lao động, lương của nhân viên Công ty vẫn tăng từ 7 -15%. Số lượng nhân sự tăng 1,3% so với năm 2018 nhằm đáp ứng cho hoạt động của bến cảng Trần Đề và chuẩn bị nhân sự cho phà cao tốc mới
2019	10.166.058	+7,9%	Năm 2020 là năm chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh và thiên tai làm cho nhu cầu du lịch giảm đáng kể, vì vậy tình hình hoạt động kinh doanh càng khó khăn hơn, nhưng vì yếu tố cạnh tranh về nhân sự và khan hiếm lao động, cộng thêm sự ra đời của Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT, trong đó tăng thêm 02 thuyền viên cho mỗi tàu, cụ thể là bổ sung thêm chức danh đại phó và máy hai làm cho sự khan hiếm và cạnh tranh về lao động gia tăng, vì vậy lương của nhân viên Công ty tăng từ 4 -15% nhưng số lượng giảm 1% so với năm 2019 chủ yếu là nhân viên Khối Kinh doanh.
2020	10.800.857	+6,24%	

Bảo hiểm và phúc lợi

Bảo hiểm:

- Người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 2 tháng trở lên đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng theo quy định.

Phúc lợi:

- Duy trì việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho từng nhân viên
- Tạo điều kiện hỗ trợ vay vốn từ quỹ công đoàn Công ty đối với những đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Tạo điều kiện để nhân viên được tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn.
- Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức phục vụ cho công việc theo quy định pháp luật.
- Trong năm 2020, dưới sự ảnh hưởng của dịch bệnh, Công ty đã cắt giảm một phần trong việc thực hiện chính sách ưu đãi sử dụng dịch vụ của Công ty cho nhân viên: cắt giảm việc cấp phát vé mời, phiếu giảm giá 20%, Công ty chỉ duy trì quyền lợi cho bản thân nhân viên và xét cấp vé mời cho tứ thân phụ mẫu, vợ chồng con của nhân viên được miễn phí sử dụng dịch vụ Công ty khi có phát sinh nhu cầu thực tế.

Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật về lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Kế hoạch nhân sự năm 2021

- Thông tư số 03/2020/TT-BGTĐT ngày 21/02/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 đã có sự thay đổi về định biên. Mặc dù, Công ty đã gửi nhiều văn bản trình bày với Cục Hàng hải và Bộ Giao thông Vận tải về hàng loạt các khó khăn khi phải thực hiện Thông tư này, nhưng đến hiện nay vẫn chưa có sự thay đổi theo kiến nghị của Công ty; Do đó, tạm thời để duy trì hoạt động của các tàu phà theo khung định biên tối thiểu mới, Công ty sẽ phải nợ ngày phép năm, tuyển dụng mới, đồng thời tạo điều kiện để thuyền viên hiện hữu học nâng cao bằng cấp cho 02 chức danh đại phó và máy hai.
- Với sức ép của Thông tư mới ban hành, để duy trì hoạt động của tàu, các đối thủ cùng ngành đang nỗ lực lôi kéo nhân viên cấp quản lý của Công ty với mức lương cao hơn, nên dự kiến sẽ có sự thay đổi lớn về nhân sự trong năm 2021, chủ yếu là các thuyền viên làm việc trên các tàu/phà.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	%Tăng/Giảm
Doanh thu thuần	452.143.044.739	304.339.465.322	-32,69%
Giá vốn hàng bán	300.350.159.653	237.977.545.996	-20,77%
Lợi nhuận gộp	151.792.885.086	66.361.919.326	-56,28%
Lợi nhuận trước thuế	106.622.569.980	24.890.261.988	-76,65%
Lợi nhuận sau thuế	101.100.416.328	22.708.584.409	-77,54%

Dịch Covid-19 xuất hiện và lây lan với tốc độ chóng mặt đã gây ra những hậu quả nặng nề cho kinh tế toàn cầu. Năm qua, cũng như tất cả các doanh nghiệp cùng ngành khác, Công ty đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thử thách do dịch bệnh và thiên tai mang lại. Trong khi nhiều doanh nghiệp về du lịch, dịch vụ phải hoạt động cầm chừng, bù lỗ hoặc bị giải thể, phá sản, khoản lợi nhuận 22,7 tỷ dù khiêm tốn so với các năm trước và chưa đạt kế hoạch nhưng là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể Ban Lãnh đạo và nhân viên Công ty. Kết quả kinh doanh của năm 2020 diễn biến theo đúng sự biến động của các đợt bùng dịch.

Quý I năm 2020, dịch bệnh bùng phát mạnh tại một số nước nhưng du lịch trong nước vẫn chưa bị ảnh hưởng nhiều, doanh thu tháng 01 và tháng 02 vẫn duy trì được đà tăng trưởng, tăng 4,3%. Qua Quý II năm 2020, mọi hoạt động đều phải tuân thủ các quy định về phòng chống dịch bệnh, giãn cách xã hội; thậm chí, các công ty trong ngành đều phải ngừng kinh doanh từ ngày 01/04 đến ngày 23/04. Nhờ áp dụng các biện pháp quyết liệt và triệt để, tình hình dịch đã tạm được khống chế, tâm lý người dân tạm ổn định. Dù lịch học của học sinh – sinh viên các cấp có sự thay đổi nhưng nhu cầu du lịch biển đảo nội địa được hồi phục dần để thay thế cho các tour du lịch nước ngoài. Đến Quý III, tình hình có cải thiện hơn, đến trung tuần tháng 07, các hãng tàu đã trở lại hoạt động hết công suất nhằm phục vụ nhu cầu du lịch tăng cao. Đáng tiếc, đợt bùng dịch thứ 02 xuất phát từ Đà Nẵng vào cuối tháng 07 đã nhấn chìm ngành du lịch trong nước. Quý IV, vốn là mùa của khách du lịch quốc tế, đồng thời cũng là mùa thấp điểm nhất trong năm, hoạt động du lịch khá trầm lắng, người dân còn khá dè dặt trong việc ra các quyết định về du lịch, nghỉ dưỡng.

Trong bối cảnh vừa cạnh tranh khốc liệt về thị phần, vừa ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh cộng thêm đặc thù cố định về chi phí nên sự thay đổi về doanh thu sẽ tác động mạnh mẽ tới các chỉ tiêu về lợi nhuận. Công ty đã quyết định cắt giảm một số giờ khởi hành tăng cường cũng như các tuyến phục vụ chủ yếu cho khách du lịch như tuyến Phú Quốc – Nam Du, Rạch Giá – Hòn Nghệ; Đồng thời, đảm bảo môi trường làm việc ổn định cho người lao động thông qua việc chi trả đầy đủ lương và các chế độ bảo hiểm theo quy định cho người lao động. Khó khăn chồng thêm khó khăn khi công suất khai thác đợt ngọt giảm mạnh nhưng Công ty vẫn phải chi các khoản phục vụ mục đích phòng chống dịch như trang bị thiết bị đo thân nhiệt, máy rửa tay bằng cồn tự động, phát khẩu trang miễn phí cho các hành khách không có, định kỳ khử khuẩn tàu/phà/xe và các phòng vé...

Không chỉ thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra, năm 2020 cũng là năm Việt Nam phải hứng chịu nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, chi trong 2 tháng cuối năm, đã có hơn 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới gây ra các trận lũ chồng lũ lịch sử, ảnh hưởng trực tiếp hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là 02 tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo và Phan Thiết – Phú Quý.

Hiện Việt Nam đang thực hiện tốt mục tiêu kép “vừa bảo đảm an toàn phòng, chống dịch vừa phục hồi kinh tế” và vaccine Covid-19 đã bắt đầu được đưa vào tiêm chủng, sẽ góp phần nhanh chóng đẩy lùi dịch bệnh để người dân và các doanh nghiệp, tổ chức có thể sớm ổn định lại cuộc sống và hoạt động kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

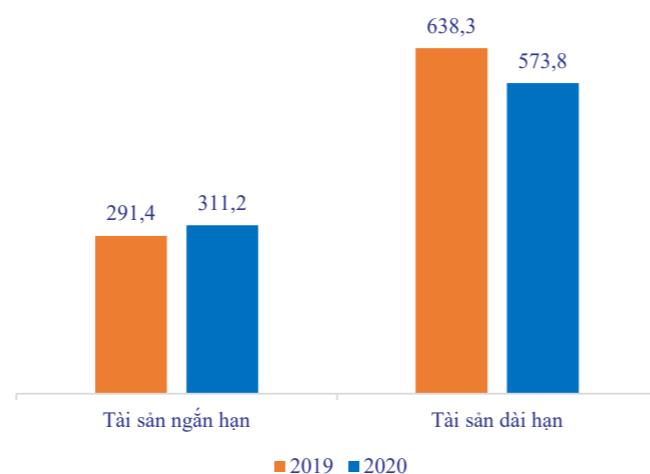
ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	291,4	31%	311,2	35%
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,9	2%	14,6	5%
Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	158,6	54%	164,8	53%
Các khoản phải thu ngắn hạn	89	31%	92,3	30%
Hàng tồn kho	24,5	8%	28	9%
Tài sản ngắn hạn khác	12,3	4%	11,4	4%
Tài sản dài hạn	638,3	69%	573,8	65%
Các khoản phải thu dài hạn	6,8	1%	4,5	1%
Tài sản cố định	579,2	91%	528,6	92%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0,88	0%	13,86	2%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	35	5%	14	3%
Tài sản dài hạn khác	16,4	3%	12,8	2%
Tổng tài sản	929,7	100%	885	100%

Tổng tài sản ghi nhận vào thời điểm 31/12/2020 đã giảm khoảng 4,8% so với cùng kỳ năm ngoái, nguyên nhân chủ yếu vẫn do đại dịch làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tại mục tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho tăng 14,35% do Công ty dự trữ dầu nhiều hơn những năm trước vì giá dầu giảm mạnh ở 2 quý đầu năm và Công ty đầu tư gửi 5 tỷ đồng vào khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, do đó đã làm gia tăng khoản đầu tư tài chính lên 164 tỷ đồng. Ở mục phải thu ngắn hạn là nguồn thu cốt lõi của Công ty là bán vé cho hành khách đóng góp 30% tỷ trọng, đứng thứ 2 sau nguồn thu từ việc đầu tư tài chính.

Tài sản dài hạn có xu hướng giảm, khoảng 64 tỷ đồng do có sự xuất hiện ở mục đầu tư tài chính dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn giảm 21 tỷ đồng và các chi phí phát sinh trong việc xây dựng công trình bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng.

Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản, cụ thể hơn là ở tài sản cố định chiếm 90% trên tổng tài sản dài hạn cho thấy Công ty đầu tư vào tàu, nhà cửa và các máy móc thiết bị nhiều nhất nhằm thực hiện chiến lược tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi chính của Công ty.



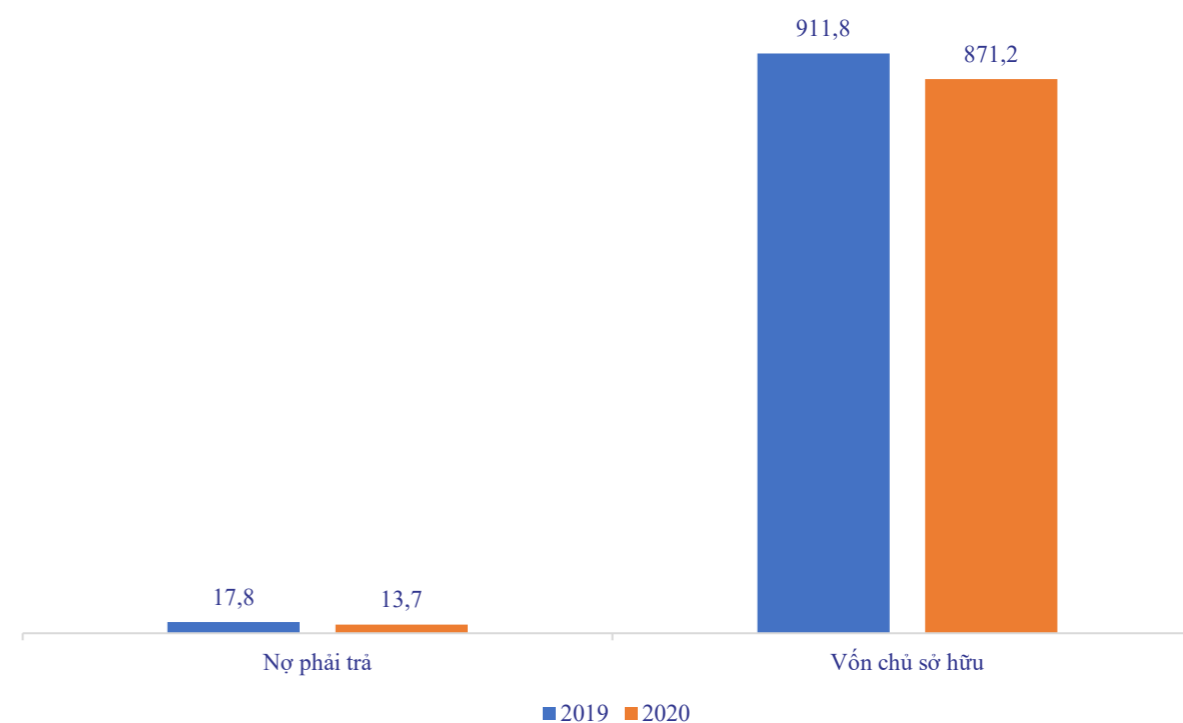
CƠ CẤU NGUỒN VỐN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ phải trả	17,8	2%	13,7	2%
Nợ ngắn hạn	17,8	100%	13,7	100%
Nợ dài hạn	-	0%	-	0%
Vốn chủ sở hữu	911,8	98%	871,2	98%
Vốn chủ sở hữu	911,8	100%	871,2	100%
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	0%	-	0%
Tổng nguồn vốn	929,7	100%	885	100%

Với nguồn tài chính dồi dào và phương châm không sử dụng nợ vay dài hạn nên hạn mục nợ ngắn hạn cũng chính là khoản nợ phải trả của Công ty và cũng đang có xu hướng giảm dần từ 17,8 tỷ đồng xuống còn 13,7 tỷ đồng, giảm 23,18%.

Vốn chủ sở hữu cũng giảm đi khoảng 4,46%, chủ yếu do lợi nhuận chưa phân phối bị giảm 41 tỷ đồng, tương đương giảm 15,73% do chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2019.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dự đoán, nửa đầu năm 2021 vẫn tồn tại nhiều khó khăn, thử thách so với năm vừa qua do những hệ quả tất yếu của tình hình dịch bệnh Covid-19. Dù Việt Nam cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh nhưng những nguy cơ tiềm tàng vẫn còn tồn tại, cùng với đó thì quá trình cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác vẫn đang diễn ra hết sức khốc liệt. Trước bối cảnh đó, Công ty vẫn tiếp tục bám sát các mục tiêu kinh doanh và chiến lược phát triển trung - dài hạn đã đề ra; từ đó, đưa ra các kế hoạch triển khai cụ thể.

• Về nhân sự

Công ty sẽ tiếp tục tận dụng nguồn nhân lực sẵn có để cạnh tranh, tìm cách phục hồi doanh thu trong tình hình kinh tế bị ảnh hưởng bởi Covid-19.

Ban hành một số chính sách giữ chân, thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là các nhân sự chất lượng cao về đi biển như thuyền trưởng có kinh nghiệm lâu năm và trình độ chuyên môn giỏi trong nghề, vốn luôn trong tình trạng khan hiếm.

• Về tài chính

Lập kế hoạch, giám sát và kiểm soát dòng tiền.

Quản lý và kiểm soát chi tiết các khoản phải chi, giảm thiểu việc sử dụng các chi phí chưa hợp lý, thu xếp nguồn tài chính hợp lý để giữ chân và thu hút nhân tài.

Tìm giải pháp giảm giá thành các chi phí đầu vào, đặc biệt là giá dầu DO nhưng vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng bằng việc chọn đúng đối tác.

Tối ưu quy trình quản lý hàng hóa đầu vào (vật dụng, trang thiết bị, linh kiện) và hàng tồn kho để tối ưu việc sử dụng dòng tiền và giảm chi phí quản lý không cần thiết trong thời kỳ dịch bệnh

• Về hoạt động khai thác tàu

Sắp xếp lịch hoạt động theo nhu cầu hành khách, cắt giảm một số chuyến có tỉ lệ lấp đầy thấp, đảm bảo khoảng cách giữa các hành khách theo quy định Chính phủ về việc chống dịch Covid-19.

Đàm phán với các đơn vị bến bãi bố trí vị trí neo đậu thích hợp, giảm sự di chuyển nơi neo đậu nhằm giảm chi phí nhiên liệu tiêu hao trong thời gian không khai thác.

Phân bổ lại hoạt động của xe trung chuyển theo nguyên tắc đảm bảo khả năng cung ứng dịch vụ nhưng với chi phí tối ưu nhất.

Nghiên cứu các giải pháp để chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng được đồng đều ở các tuyến.

• Về công tác cộng đồng

Xây dựng độ cảm mến và gắn bó thương hiệu thông qua trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là các chương trình hướng đến việc bảo vệ môi trường; đóng góp và hỗ trợ địa phương bị thiên tai hoặc người dân gặp khó khăn,...



• Về công tác Marketing

Thiết lập mạng lưới liên kết đối tác, chuẩn hóa và triển khai đều đặn quy trình và hoạt động chăm sóc hệ thống đối tác, đại lý...

Đẩy mạnh hiệu quả các hoạt động truyền thông từ kênh có sẵn như trang web và fanpage của Công ty cùng với tăng cường công tác liên kết báo chí và các kênh truyền thông trực tuyến, từ đó cung cấp thêm nhiều thông tin tích cực, đẩy mạnh hiệu quả hiển thị thương hiệu trên các kênh truyền thông hiện đại, giúp khách hàng có thể dễ dàng nhận dạng thương hiệu, chuẩn hóa hình tượng; đồng thời, đưa ra các giá trị thật để đạt được sự chuyên nghiệp và hiện đại trong định hình thương hiệu, gia tăng mức độ TIN và CẢM MẾN đối với thương hiệu Superdong trong khách hàng.

Nghiên cứu bổ sung thêm một số dịch vụ nhằm tối ưu tiện ích cho khách hàng như: triển khai vận hành tổng đài chăm sóc khách hàng, mobile app...

Xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng ổn định, đều đặn hơn, kết hợp với một số đối tác để cung cấp thêm nhiều quyền lợi cho hành khách, thực hiện các chương trình khuyến mãi thúc đẩy doanh số.

• Về công tác quản lý

Hoạch định chiến lược một cách khoa học, chi tiết, đảm bảo không vay nợ và vượt qua sự ảnh hưởng của dịch bệnh.

Tổ chức, phân công công việc cho mỗi nhân viên, mỗi bộ phận, phòng ban đảm bảo giữ đúng khoảng cách theo quy định, sắp xếp theo năng lực một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

Xây dựng các chính sách hỗ trợ nhân viên mùa dịch, giúp kiểm soát năng suất làm việc của mỗi nhân viên, mỗi bộ phận, phòng ban.

Hoàn thiện hệ thống quản lý trực tuyến, giảm các chi phí quản lý không cần thiết.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty đã trải qua năm 2020 đầy những gian nan, thử thách do chịu tác động nặng nề từ dịch Covid-19, biến đổi khí hậu và tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt. Các yếu tố khách quan này làm cho tổng cầu của thị trường bị suy giảm đột ngột. Doanh thu giảm, giá vốn giảm nhưng với tốc độ khác nhau, trong khi chi phí quản lý chịu áp lực lớn từ các khoản chi phục vụ cho hoạt động phòng chống dịch và cạnh tranh làm cho hiệu quả kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Tuy kết quả kinh doanh không đạt được như mong đợi song Hội đồng quản trị nhận thấy các mặt hoạt động nội tại và hoạt động kinh doanh chính vẫn đang được thực hiện đúng với chiến lược trung và dài hạn, phù hợp với những chuyển biến của thị trường, diễn biến của dịch bệnh; qua đó, góp phần giữ vững được các giá trị cốt lõi mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn cố gắng mang lại cho cổ đông

Trong khi nhiều doanh nghiệp trong ngành vận tải du lịch phải chịu thua lỗ nặng nề, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh có lãi trên 22 tỷ đồng. Đó là kết quả của nhiều yếu tố: (1) Công ty luôn tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chủ yếu, không đầu tư dàn trải, tình hình tài chính lành mạnh, dồi dào, không sử dụng đòn bẩy tài chính. (2) Tận dụng được lợi thế của doanh nghiệp dẫn đầu, có kinh nghiệm nhiều năm trong nghề, luôn nhận được sự tin dùng của các khách hàng. (3) Lợi thế của đội tàu có đặc thù kỹ thuật phù hợp với điều kiện của địa bàn khai thác, chi phí vận hành hợp lý, tối ưu. (4) Chính sách và đãi ngộ nhân sự tốt giúp Công ty sở hữu được đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết, tận tâm và trung thành. (5) Ưu thế về chi phí vận hành tốt hơn cùng với các biện pháp giảm cung hợp lý đã giúp cho Công ty duy trì được hoạt động ổn định thay vì phải sử dụng tới phương án giảm nhân sự hay tạm ngừng hoạt động như một số doanh nghiệp cùng ngành khác.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện khá tốt các công tác tổ chức nhân sự, công tác đầu tư, quản lý tài chính cũng như việc quản trị và thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch Covid-19 thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh cần trọng và không sử dụng nợ vay, đảm bảo tính phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc.

Khi kết thúc năm 2020, doanh thu sụt giảm hơn 30% do sự ảnh hưởng mạnh mẽ của dịch Covid-19 và thực trạng cạnh tranh trong ngành dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế chỉ đạt gần 80% kế hoạch được đề ra nhưng Hội đồng quản trị thực sự ghi nhận những giá trị mà các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã cống hiến cho Công ty trong năm 2020 đầy khó khăn này, hy vọng rằng trong thời gian tới, với việc triển khai nhiều chiến lược kinh doanh mới sẽ làm hiệu quả kinh doanh của Công ty có sự cải thiện để lấy lại được đà tăng trưởng.

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch, kết quả kinh doanh của năm 2021 có biên độ dao động rất lớn phụ thuộc vào tình hình đẩy lùi dịch Covid-19 của Việt Nam và thế giới. Công ty sẽ tiếp tục duy trì chiến lược trung và dài hạn là đầu tư phát triển lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hành khách và hàng hóa bằng các phương tiện cao tốc theo tuyến cố định. Các giải pháp nhằm ổn định hoạt động kinh doanh trong tình hình dịch bệnh sẽ được ưu tiên hàng đầu: sử dụng chi phí tiết kiệm, hiệu quả; bố trí giờ khởi hành hợp lý; khai thác triệt để thế mạnh của công nghệ thông tin như hệ thống bán vé và thanh toán trực tuyến, thực hiện thí điểm phân mềm đặt vé trên điện thoại thông minh; trấn an, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc...

Dịch bệnh rồi sẽ được đẩy lùi, Công ty cần ổn định về mọi mặt để có thể ngay lập tức bắt kịp với diễn biến mới của thị trường, qua đó hoàn thành được các mục tiêu đề ra về gia tăng thị phần, mở rộng địa bàn kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông. Nhu cầu vận chuyển cũng như du lịch biển đảo còn rất tiềm năng và dư địa phát triển lớn; bên cạnh việc đặt ra kế hoạch để khai thác hiệu quả 02 tuyến mới là Phú Quốc – Nam Du và Rạch Giá – Hòn Nghệ, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, khảo sát các địa bàn mới nhằm tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo; từ đó, giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành và ngày càng gia tăng uy tín của thương hiệu Superdong trong tâm trí khách hàng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH 2021/TH 2020
Vốn điều lệ (triệu đồng)	633.317	633.317	100%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	304.339	391.576	129%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	22.708	25.758	124%
Cổ tức (%) (*)	5%	5%	100%

(*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHĐCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2021 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2022.



CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, Ban Kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán) đã thực hiện vai trò giám sát, kết hợp phòng ngừa rủi ro trên tất cả các hoạt động thuộc phạm vi giám sát.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính quý, năm trước khi Ban Điều hành trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo thông tin trước khi công bố ra bên ngoài theo đúng quy định của pháp luật: Đảm bảo các báo cáo tài chính trước khi công bố được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và đúng theo quy định của Pháp luật liên quan; Ban Kiểm toán nội bộ chủ động soát xét các báo cáo quý để nâng cao độ tin cậy trước khi công bố. Ngoài ra, Ban Kiểm toán nội bộ xem xét ý kiến của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao hơn nữa năng lực giám sát của tiểu ban, đồng thời tìm các biện pháp để cải thiện với Ban Điều hành, từ đó nâng cao năng lực phát triển của công ty.

Ngoài ra, hoạt động giám sát kiểm toán nội bộ cũng được Ban Kiểm toán nội bộ chú trọng. Tiểu ban đã tiến hành đánh giá toàn diện chức năng kiểm toán nội bộ trong năm 2020 và hoàn thành tốt nhiệm vụ cũng như kế hoạch kiểm toán được giao.

Ngoài những hoạt động nêu trên, Ban Kiểm toán nội bộ cũng giám sát dịch vụ Kiểm toán độc lập như đánh giá đề xuất kế hoạch thực hiện công việc kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập sao cho phù hợp với phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian mà vẫn đảm bảo được chất lượng, tính độc lập của công ty kiểm toán.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Các giao dịch, thù lao và lợi ích

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	27/04/2018
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch HĐQT	27/04/2018
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành	27/04/2018
4	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT	27/04/2018
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập	27/04/2018
6	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành	27/04/2018
7	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	27/04/2018

CÁC CUỘC HỌP

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	07	100%
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	07	100%
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	07	100%
4	Ông Puan Kwong Siing	07	100%
5	Bà La Xuân Đào	07	100%
6	Ông Tăng Siêu Tâm	07	100%
7	Ông Phan Hồng Phúc	07	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ-HĐQT	13/03/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn Thời gian, Địa điểm tổ chức và chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	100%
2	02/2020/NQ-HĐQT	30/03/2020	Thông qua việc hủy bỏ ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (ngày 10/04/2020) và hủy bỏ Thông báo số 34/CVTP-2020 ngày 16/03/2020 về ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng mới và triển khai các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
3	03/2020/NQ-HĐQT	13/04/2020	Thông qua Báo cáo thường niên 2019.	100%
4	04/2020/NQ-HĐQT	11/06/2020	Thông qua thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Thông qua đề xuất về việc khai thác các tuyến, liên tuyến mới từ Kiên Giang của Ban Tổng Giám đốc.	100%
5	05A/2020/NQ-HĐQT	02/07/2020	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục, hồ sơ nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt của cổ đông hiện hữu theo đúng quy định.	100%
6	05B/2020/NQ-HĐQT	02/07/2020	Thông qua thù lao của HĐQT và lương của người điều hành Công ty năm 2020.	100%
7	06/2020/NQ-HĐQT	28/09/2020	Thông qua việc mở chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Nam Du.	100%
8	07/2020/NQ-HĐQT	26/12/2020	Thống nhất việc chuẩn bị thực hiện theo quy định về Kiểm toán nội bộ: - Làm việc với đơn vị tư vấn về các quy định mới về kiểm toán nội bộ; - Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đổi tên Ban Kiểm toán nội bộ thành Ủy ban kiểm toán và sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp với việc đổi tên này theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 vào thời điểm thích hợp; - Giao Ban Tổng Giám đốc xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ để chuẩn bị cho việc thực hiện các quy định về kiểm toán nội bộ theo quy định.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông Phan Hồng Phúc và Bà La Xuân Đào – thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, Ông Bà đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay, các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp cả trong và ngoài nước (xem chi tiết tại phần sơ yếu lý lịch). Tuy nhiên, vì các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay đang sinh sống tại nhiều địa điểm khác nhau, đồng thời số lượng lớp học về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức còn khá ít nên các thành viên chưa thể tham gia các lớp học để lấy chứng chỉ về quản trị công ty.



THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỔNG THÙ LAO (*)	TỔNG LƯƠNG	THƯỜNG TẾT	TỔNG THU NHẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	HÀ NGUYỆT NHI	CHỦ TỊCH HĐQT	221.760.000	264.964.000	23.625.000	510.349.000
2	NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	PHÓ CTHĐQT	158.400.000	706.628.000	59.018.000	924.046.000
3	PUAN KWONG SIING	TV HĐQT	95.040.000	1.243.200.000	108.779.937	1.447.019.937
4	TĂNG SIÊU TÂM	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
5	LA XUÂN ĐÀO	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
6	NGUYỄN THỊ HOA LỆ	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
7	PHAN HỒNG PHÚC	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
TỔNG			855.360.000	2.214.792.000	191.422.937	3.261.574.937
ỦY BAN KIỂM TOÁN						
1	PHAN HỒNG PHÚC	CHỦ TỊCH UBKT	158.400.000	-	-	158.400.000
TỔNG			158.400.000	-	-	158.400.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	PUAN KWONG SIING	TỔNG GĐ	NT	NT	NT	NT
2	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	PHÓ TỔNG GĐ	-	997.440.000	87.276.000	1.084.716.000
3	BÙI THỊ HỒNG ĐÀO	KẾ TOÁN TRƯỞNG	-	703.360.000	103.250.000	806.610.000
TỔNG			-	1.700.800.000	190.526.000	1.891.326.000
TỔNG CỘNG			1.013.760.000	3.915.592.000	381.948.937	5.311.300.937

(*) Được tính từ ngày 01/05/2020 đến ngày 30/04/2021

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết HĐQT thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ CP sau giao dịch	Ghi chú
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	Số CMND: 023469184 Ngày cấp: 04/04/2012	343/29 Vĩnh Viễn, P.5, Q.10, TP.HCM	09/02/2018	NQ số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 15/01/2018	Số cổ phiếu: 5.040.166 Tỷ lệ: 7,96%	Kí hợp đồng thuê văn phòng Hà Tiên
2	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing	Giấy ĐKKD 347026-W Ngày cấp 14/08/1997	20 First Floor, Tan Sri Road, 96000 Sibu Sarawak, Malaysia	16/02/2018	01/2018/NQ-HĐQT ngày 15/01/2018 và 02/2018/NQ-HĐQT ngày 06/02/2018	Số cổ phiếu: 2.165.812 Tỷ lệ: 3,42%	Hợp đồng đóng phà cao tốc tuyến Rạch Giá – Phú Quốc.
3	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing	Giấy ĐKKD 347026-W Ngày cấp 14/08/1997	20 First Floor, Tan Sri Road, 96000 Sibu Sarawak, Malaysia	22/01/2019	10/2019/NQ-HĐQT ngày 28/11/2019 và 11/2019/NQ-HĐQT ngày 17/12/2019	Số cổ phiếu: 2.165.812 Tỷ lệ: 3,42%	Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc.



GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2020)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2020)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Thành viên HĐQT và người có liên quan							
1	Hà Nguyệt Nhi		1.422.366	2,25%	5.040.166	7,96%	Mua, bán cổ phiếu
1.1	Vương Lục Muội	Mẹ	356	0,00%	356	0,00%	
1.2	Hà Vĩ Bàn	Anh trai	34.538	0,06%	34.538	0,06%	
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung		14.844	0,02%	14.844	0,02%	
2.1	Âu Chí Toàn	Chồng	6.483	0,01%	6.483	0,01%	
3	Nguyễn Thị Hoa Lệ		640.008	1,01%	640.008	1,01%	
4	Puan Kwong Siing		10.470.757	16,53%	10.470.757	16,53%	
4.1	Puan Chiong	Anh trai	3.075.075	4,86%	3.075.075	4,86%	
4.2	Puan Kiong Sii	Anh trai	1.320.042	2,08%	1.320.042	2,08%	
4.3	Eric Yee Kuok Enng	Anh rể			410	0,00%	
4.4	Bruce Ting Siaw Lung	Em rể			569.310	0,90%	
4.5	Kong Mee Ling	Chị dâu			461.706	0,73%	
4.6	Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	Tổ chức có liên quan	1.948.792	3,08%	2.165.812	3,42%	Mua cổ phiếu
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan							
1	Puan Kwong Siing (Đã khai trên mục I. Thành viên HĐQT và người có liên quan)						
2	Nguyễn Thị Kim Hồng		33.101	0,05%	33.101	0,05%	
2.1	Nguyễn Văn Bớt	Cha	356	0,00%	356	0,00%	
2.2	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Mẹ	356	0,00%	356	0,00%	
2.3	Võ Quang Lộc	Chồng	356	0,00%	356	0,00%	
2.4	Nguyễn Thanh Phong	Em trai	356	0,00%	356	0,00%	
2.5	Nguyễn Văn Lợi	Em rể			139.790	0,22%	

MỤC TIÊU

Về hoạt động kinh doanh

- Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến khách hàng những dịch vụ thực sự chất lượng.
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông, sử dụng quỹ hợp lý để hỗ trợ cho nhân viên trong những ngày giãn cách xã hội.
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

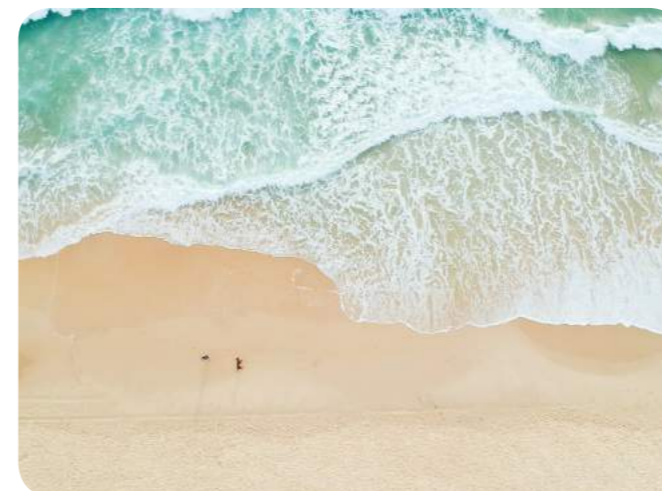
Về môi trường

Giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, đặc biệt là môi trường biển, do Công ty chủ yếu sử dụng dầu DO là nguồn nhiên liệu chính. Việc sử dụng loại nhiên liệu này sẽ gây ra một số tác động đến môi trường tự nhiên, do đó Công ty đã áp dụng các biện pháp hợp lý để giảm thiểu tác động:

- Sử dụng năng lượng tiết kiệm: loại tàu mà Công ty sử dụng có ưu việt hơn về mặt tiêu hao nhiên liệu, đồng thời với thiết kế phù hợp đặc tính sóng gió tại địa phương hoạt động nên tàu sẽ di chuyển với tốc độ nhanh hơn với mức tiêu hao nhiên liệu hợp lý.
- So với các năm trước đây, Công ty luôn khai thác hết công suất tàu, nhưng thời gian gần đây, do sự cạnh tranh của các hãng tàu mới và dịch bệnh đã khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng. Các kế hoạch kinh doanh của Công ty đều được khảo sát chặt chẽ và thận trọng để tránh lãng phí từ việc tàu trống hoặc quá ít khách. Ưu tiên lựa chọn những công nghệ thân thiện với môi trường và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Toàn bộ tàu của Công ty đều đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường và được cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xác nhận.

Về xã hội

- Tạo ra việc làm cho người lao động tại các địa bàn hoạt động như: Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận... đặc biệt với đặc thù ngành, Công ty sẽ cố gắng đào tạo các lao động lành nghề để nâng cao tay nghề cũng như kỹ năng dành cho các lao động.
- Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc.
- Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực trong công việc; qua đó, phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận góp phần thực hiện mục tiêu hoạt động mà Công ty đang theo đuổi.
- Công ty luôn tự ý thức trách nhiệm của mình đối với xã hội. Tích cực tạo điều kiện, ủng hộ việc thực hiện các chương trình xã hội.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HÀNH ĐỘNG

Về hoạt động kinh doanh

Trong năm qua, dù kết quả kinh doanh có sự giảm sút nhưng các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó luôn được Ban Điều hành Công ty triển khai và cố gắng hoàn thành tốt, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông.

Cho đến nay, những thành công mà Công ty gặt hái được đều do các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên và thuyền viên năng động, chuyên nghiệp; cũng như không ngừng gia tăng các tiện ích trên tàu, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty; đồng thời, chú trọng triển khai các dịch vụ có liên quan như dịch vụ trung chuyển, lưu trú, bến bãi, nhà chờ nhằm mang tới cho khách hàng những gói dịch vụ tốt và tiện lợi nhất.

Về môi trường

Với việc tiếp tục duy trì hoạt động vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc và phà, dầu DO vẫn là nhiên liệu đầu vào quan trọng cho hoạt động của Công ty. Việc sử dụng loại nhiên liệu này sẽ có một số tác động đến môi trường tự nhiên, do đó Công ty đã, đang áp dụng các biện pháp hợp lý để giảm thiểu tác động.

Tiết kiệm, sử dụng hiệu quả

- Các tàu của Công ty đều được đóng tại các công ty uy tín, có sự đảm bảo về chất lượng, với công nghệ tiên tiến và ngày càng có sự tiến bộ về mức độ thân thiện với môi trường.
- Các kế hoạch kinh doanh của Công ty đều được khảo sát thận trọng để đưa vào khai thác đúng thời điểm, việc bố trí giờ khởi hành khoa học cũng góp phần tránh lãng phí từ việc tàu chạy trống tải hoặc quá ít hành khách.
- Tại Khố Vãn phòng, năng lượng điện và nước được sử dụng với mức độ hợp lý, không gây lãng phí, các dụng cụ vãn phòng phẩm được sử dụng và tái sử dụng.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Toàn bộ tàu của Công ty đều đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường và được cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xác nhận.
- Đến nay, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ và các quy định về môi trường.

Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

- Giấy và các loại vãn phòng phẩm sau khi sử dụng không còn khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom để riêng nhằm giúp đơn vị xử lý rác thải tại khu vực dễ dàng phân loại.
- Tại phòng bán vé cũng như trên các tàu cao tốc và phà, Công ty bố trí bảng quy định về rác thải cũng như hướng dẫn cụ thể nơi gom rác, bố trí các thùng chứa rác khác nhau cho từng loại rác với mục đích hạn chế tối đa rác thải trên biển từ việc xả rác bừa bãi. Rác thải sau khi thu gom sẽ được phân loại theo những tiêu chí nhất định để mang đi xử lý đúng quy định.
- Chất thải nhiên liệu được thu gom tập trung để xử lý theo quy định.

Về xã hội

Đối với người lao động

Đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, đội ngũ nhân viên và thuyền viên hiện nay đã tăng lên nhiều so với thời điểm những năm đầu hoạt động. Nhận thấy lực lượng lao động trong ngành đang ngày càng khan hiếm, cũng như mục tiêu của Công ty là tiếp tục công tác đào tạo nguồn lao động chất lượng cao để nâng cao an toàn và chất lượng dịch vụ. Công ty cam kết thực hiện đúng các thỏa ước lao động với nhân viên của mình, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp và xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh, lành mạnh. Mức lương trung bình hiện nay tại Công ty trong năm qua là 10,8 triệu đồng/người/tháng. Toàn bộ nhân viên Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ và sẽ duy trì đều đặn trong thời gian tới. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng phụ trợ nhằm phục vụ tốt hơn cho khách hàng như đã đề cập ở phần chính sách nhân sự.

Đối với khách hàng

Tuyệt đối đảm bảo an toàn cho khách hàng trên từng chuyến tàu, Công ty sẽ không hoạt động tàu khi điều kiện thời tiết không bảo đảm. Vấn đề an toàn trong suốt chuyến hành trình được đặt lên trên hết. Thiết bị cứu hộ, cứu nạn của tàu luôn đạt tiêu chuẩn và được định kỳ kiểm tra, đánh giá để có kế hoạch thay thế, bổ sung kịp thời. Tất cả thuyền viên đều đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn theo quy định về an toàn hàng hải.

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường để đưa ra các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng, tiếp thu ý kiến đóng góp từ khách hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn.

Đối với cộng đồng

Với mong muốn tham gia đóng góp cho các chương trình mang nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, Công ty sẽ tiếp tục có sự phối hợp với các đơn vị có chuyên môn nhằm ủng hộ, vận động kinh phí giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình xây dựng cộng đồng có tính hiệu quả lâu dài, đặc biệt là tại các địa phương có hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.





Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(Đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo Kiểm toán độc lập
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Bảng cân đối kế toán riêng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng
Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 170056108 ngày 14/11/2007 và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 10, đường 30/4 khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó chủ tịch
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên
Bà La Xuân Đào	Thành viên
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ gồm:

Ông Phan Hồng Phúc	Trưởng ban kiểm toán nội bộ
--------------------	-----------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Số: /BCTC.FIS1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được lập ngày 24 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

(Đã ký)

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, Ngày 24 tháng 03 năm 2021

(Đã ký)

Đinh Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2017-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		311,138,913,906	291,449,825,480
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	14,585,818,590	6,905,040,805
111	1. Tiền		9,585,818,590	6,905,040,805
112	2. Các khoản tương đương tiền		5,000,000,000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		164,787,313,181	158,657,422,261
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	164,787,313,181	158,657,422,261
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		92,368,620,306	89,057,274,018
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		345,070,400	374,299,300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	63,175,191,602	53,452,788,637
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	28,848,358,304	35,230,186,081
140	IV. Hàng tồn kho		28,036,457,244	24,518,732,422
141	1. Hàng tồn kho	7	28,036,457,244	24,518,732,422
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11,360,704,585	12,311,355,974
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4,382,535,588	4,770,107,137
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3,470,974,345	1,852,376,606
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	3,507,194,652	5,688,872,231
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		573,816,867,093	638,277,338,831
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4,483,000,000	6,771,500,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	4,483,000,000	6,771,500,000
220	II. Tài sản cố định		528,615,334,706	579,217,346,026
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	520,580,768,086	571,000,319,696
222	- Nguyên giá		796,533,116,002	795,321,970,565
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(275,952,347,916)	(224,321,650,869)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	8,034,566,620	8,217,026,330
228	- Nguyên giá		9,874,532,581	9,661,532,581
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,839,965,961)	(1,444,506,251)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		13,863,937,713	878,100,000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	13,863,937,713	878,100,000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		14,000,000,000	35,000,000,000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	14,000,000,000	35,000,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12,854,594,674	16,410,392,805
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12,854,594,674	16,410,392,805
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		884,955,780,999	929,727,164,311

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13,745,386,343	17,893,619,064
310	I. Nợ ngắn hạn		13,745,386,343	17,893,619,064
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2,800,520,589	5,077,741,287
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1,551,264,000	2,365,385,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1,203,935,243	691,900,487
314	4. Phải trả người lao động		6,375,092,131	9,044,579,608
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	1,814,574,380	714,012,682
400	D. NGUỒN VỐN		871,210,394,656	911,833,545,247
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	871,210,394,656	911,833,545,247
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		633,317,350,000	633,317,350,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		633,317,350,000	633,317,350,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11,469,923,636	11,469,923,636
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6,825,309,715	6,825,309,715
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2,000,000,000	2,000,000,000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		217,597,811,305	258,220,961,896
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		194,889,226,896	157,120,545,568
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		22,708,584,409	101,100,416,328
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		884,955,780,999	929,727,164,311

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	304,339,465,322	452,143,044,739
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	304,339,465,322	452,143,044,739
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	18	237,977,545,996	300,350,159,653
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		66,361,919,326	151,792,885,086
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	10,885,185,621	11,580,344,896
22	7. Chi phí tài chính	20	34,121,633	90,147,694
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	38,354,600,206	42,375,378,958
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	15,015,008,614	15,600,904,925
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23,843,374,494	105,306,798,405
31	11. Thu nhập khác	23	1,314,826,060	7,619,093,786
32	12. Chi phí khác	24	267,938,566	6,303,322,211
40	13. Lợi nhuận khác		1,046,887,494	1,315,771,575
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24,890,261,988	106,622,569,980
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	2,181,677,579	5,522,153,652
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22,708,584,409	101,100,416,328
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	359	1,596

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24,890,261,988	106,622,569,980
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định		52,118,751,073	51,016,431,017
04	Lỗi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		589,971	53,692
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(10,877,368,821)	(11,539,859,663)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		66,132,234,211	146,099,195,026
09	Giảm các khoản phải thu		7,220,599,440	2,438,213,166
10	(Tăng) hàng tồn kho		(3,517,724,822)	(1,553,568,416)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(4,151,185,471)	1,761,771,107
12	Giảm chi phí trả trước		3,850,775,364	(9,084,100,379)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2,430,763,409)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(4,564,439,144)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		69,534,698,722	132,666,307,951
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(25,682,676,435)	(56,693,351,198)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(187,129,890,920)	(238,157,422,261)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		202,000,000,000	205,800,000,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12,288,018,639	9,793,094,306
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1,475,451,284	(79,257,679,153)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(63,329,336,250)	(57,572,771,850)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7,680,813,756	(4,164,143,052)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6,905,040,805	11,069,237,549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(35,971)	(53,692)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		14,585,818,590	6,905,040,805

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2020

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 170056108 ngày 14/11/2007 và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND, và cổ phần của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là SKG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: 392 người (tại ngày 31/12/2019 là: 402 người).

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dịch Covid-19 bùng phát mạnh vào quý 2/2020 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty phải tạm ngưng hoạt động trong tháng 4 theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Điều này dẫn tới lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm 80.282.288.290 VND, tương ứng 79% so với năm 2019.

Cấu trúc Công ty

Tại 31/12/2020, Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động trong cùng lĩnh vực nêu trên với Công ty như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Sóc Trăng	Thửa đất số 102, 103, 104, tờ bản đồ số 47, ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
Chi nhánh Phú Quý	Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.
Chi nhánh Côn Đảo	Đường Trần Phú, Khu 6, Thị trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh	Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Nam Du	Số 02 ấp Cù Tron, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang (được thành lập theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 28/9/2020 của Hội đồng quản trị)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- ▶ Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- ▶ Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- ▶ Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- ▶ Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty là các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn, gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp nhập trước, xuất trước.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---|----------------------|
| ▶ Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| ▶ Máy móc, thiết bị | 10 - 15 năm |
| ▶ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 03 năm |
| ▶ Thiết bị quản lý | 03 - 10 năm |
| ▶ Phần mềm quản lý vé và phần mềm kế toán | 03 - 05 năm |
| ▶ Quyền sử dụng đất lâu dài | Không trích khấu hao |
| ▶ TSCĐ khác | 02 -05 năm |

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Ban Tổng Giám đốc Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành như thuế suất không ưu đãi 20% cho năm 2020.

Ưu đãi thuế

Mô tả	Dự án	Thuế suất
Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2007 – 2012	Tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI	Thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án, và miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2008).
Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi	Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII	Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.
Các dự án đầu tư mới	Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo

2.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Toàn bộ doanh thu của Công ty đến từ hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa ven biển trên địa bàn các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	30,625,000	268,926,000
Tiền gửi ngân hàng	9,530,808,590	6,496,553,285
Tiền đang chuyển	24,385,000	139,561,520
Các khoản tương đương tiền (*)	5,000,000,000	-
	14,585,818,590	6,905,040,805

(*) khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Kiên Giang kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 3,5%/năm.

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 đến 24 tháng với lãi suất từ 4,4% đến 7,3%/năm.

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi tiết theo đối tượng có số dư lớn		
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (i)	61,953,754,875	45,118,413,549
Khác	1,221,436,727	8,334,375,088
	63,175,191,602	53,452,788,637
Trong đó, trả trước bên liên quan (Thuyết minh 30)	61,953,754,875	45,118,413,549

(i) Số dư tại 31/12/2020 là khoản ứng trước theo hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 và hợp đồng số KS/SUPPERDONG/FASTRP/12/19 để thực hiện hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao hai phà cao tốc chở khách bằng hợp kim nhôm. Tại 31/12/2020, phà của Hợp đồng KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 đã hoàn thiện tuy nhiên chưa bàn giao được cho Công ty do chưa tìm được bến bãi neo đậu.

6. Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi	4.252.845.265	5.663.495.083
Phải thu chi phí sửa chữa tàu (i)	666.947.471	5.605.007.091
Tạm ứng	963.038.897	1.621.521.825
Phòng Tài Chính - Kế Hoạch T.P Hà Tiên (ii)	22.898.859.671	22.239.478.082
Phải thu khác	66.667.000	100.684.000
	28.848.358.304	35.230.186.081
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	815.000.000	1.490.000.000
- Tiền thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cho dự án bến tàu Trần Đề (iii) (thuyết minh 10i)	675.000.000	1.350.000.000
Ứng trước vốn xây dựng cầu cảng cho Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên (iv)	3.668.000.000	5.281.500.000
	4.483.000.000	6.771.500.000

(i) Phải thu về tiền chi phí sửa chữa tàu tại ngày 31/12/2020 là khoản phải thu chi phí sửa chữa tàu Phú Quý 1 từ bên liên quan gây ra sự cố.

(ii) Kết quả đấu giá quyền sử dụng, bàn giao thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu thành phố Hà Tiên phát sinh trong tháng 12/2017 đã bị hủy theo Văn bản số 215/UBND-TCKH của UBND Thành phố Hà Tiên ngày 08/07/2019 và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐQT ngày 04/09/2019 của Hội đồng quản trị Công ty. Công ty và UBND Thành phố Hà Tiên đã thống nhất hủy kết quả trúng đấu giá, hoàn tiền trúng thầu cùng các chi phí khác theo quy định và thỏa thuận cho Công ty.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có thỏa thuận cụ thể về lãi suất và thời điểm thanh toán. Giá trị đang ghi nhận gồm tiền được hoàn trúng thầu là 21.350.000.000 VND và tiền đền bù ước tính là 1.548.859.671 VND.

(iii) Số tiền ký quỹ thực hiện dự án bến tàu Trần Đề tại ngày 31/12/2020 sẽ được hoàn lại khi Công ty hoàn tất quá trình đầu tư.

(iv) Ứng vốn không lãi suất cho Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên hợp đồng số 10/HĐ-BQLB ngày 17/03/2017 để đầu tư xây dựng Nhà điều hành – Sân nền – Cây xanh bến tàu Hà Tiên. Số tiền gốc thu hồi hàng năm theo hợp đồng là 1.176.000.000 VND.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.285.402.456	20.306.188.221
Phụ tùng	21.629.182.206	18.397.269.518
Dầu DO	1.188.673.376	1.559.490.575
Nhiên liệu	467.546.874	349.428.128
Công cụ, dụng cụ	4.702.161.127	4.061.927.958
Hàng hóa	48.893.661	150.616.243
	28.036.457.244	24.518.732.422

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	51.617.564.921	751.241.135	741.773.551.944	929.045.527	250.567.038	795.321.970.565
Mua mới	-	383.916.667	-	30.990.000	-	414.906.667
Đầu tư XDCB hoàn thành	653.407.785	-	-	-	142.830.985	796.238.770
Tại ngày 31/12/2020	52.270.972.706	1.135.157.802	741.773.551.944	960.035.527	393.398.023	796.533.116.002
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	1.652.388.291	351.837.947	221.404.349.202	742.799.276	170.276.153	224.321.650.869
Khấu hao trong năm	1.619.384.576	230.650.732	49.604.120.172	122.421.176	54.120.391	51.630.697.047
Tại ngày 31/12/2020	3.271.772.867	582.488.679	271.008.469.374	865.220.452	224.396.544	275.952.347.916
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	49.965.176.630	399.403.188	520.369.202.742	186.246.251	80.290.885	571.000.319.696
Tại ngày 31/12/2020	48.999.199.839	552.669.123	470.765.082.570	94.815.075	169.001.479	520.580.768.086

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.352.602.318 VND.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	7.126.349.000	1.671.274.490	863.909.091	9.661.532.581
Mua trong năm	-	213.000.000	-	213.000.000
Tại ngày 31/12/2020	7.126.349.000	1.884.274.490	863.909.091	9.874.532.581
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	-	1.209.247.468	235.258.783	1.444.506.251
Khấu hao trong năm	-	315.526.678	79.933.032	395.459.710
Tại ngày 31/12/2020	-	1.524.774.146	315.191.815	1.839.965.961
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	7.126.349.000	462.027.022	628.650.308	8.217.026.330
Tại ngày 31/12/2020	7.126.349.000	359.500.344	548.717.276	8.034.566.620

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài là các diện tích đất làm văn phòng của Công ty tại: (i) 1F, Nguyễn Huỳnh Đức, Thành phố Rạch Giá, (ii) 14 Tự Do, Thành phố Rạch Giá và (iii) số L4, Lô 01, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 907.904.481 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Mua sắm tài sản cố định	513.100.000	878.100.000
Dự án bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng (i)	12.952.946.545	-
Dự án nhà chờ Cảng Bến Đầm - Côn Đảo (ii)	397.891.168	-
	13.863.937.713	878.100.000

(i) Thông tin chi tiết dự án Bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng (đã điều chỉnh theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

- Địa điểm thực hiện: Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
- Thời gian khởi công: Tháng 1 năm 2017;
- Tổng mức đầu tư theo kế hoạch: 90 tỷ VND;
- Quy mô và tiến độ thực hiện theo dự án tại 31/12/2020:

Giai đoạn	Thời gian	Hạng mục	Tiến độ thực hiện
1	01/2017 – 12/2018	Cầu cảng, kè bờ, nhà ga bán vé, nhà chờ, nhà hàng/ca phê, phòng đọc sách, khu nhà vệ sinh, nhà kho, bãi xe, nhà nghỉ nhân viên, đường nội bộ, khu xử lý rác thải và một số hạng mục khác.	Đã thực hiện xong, trừ hạng mục nhà nghỉ nhân viên đang thực hiện.

Giai đoạn	Thời gian	Hạng mục	Tiến độ thực hiện
2	01/2019 – 12/2019	Khu công viên, khu vui chơi giải trí, khu trưng bày các sản phẩm dịch vụ du lịch của tỉnh Sóc Trăng và một số hạng mục khác.	Chưa thực hiện
3, 4	Đến năm 2022	Khách sạn và một số hạng mục khác, cầu cảng cho tàu phà hoạt động.	Chưa thực hiện

(ii) Thông tin chi tiết dự án Cảng Bến Đầm – Côn Đảo:

- Địa điểm thực hiện: Cảng Bến Đầm, Côn Đảo, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Thời gian khởi công: Tháng 12 năm 2019;
- Quy mô dự án: Đầu tư nhà chờ tại cảng Bến Đầm bao gồm các hạng mục: nhà chờ hành khách, nhà vệ sinh; diện tích xây dựng: 12,6m x 28m = 352,8m² (không bao gồm nhà vệ sinh);
- Tổng mức đầu tư theo kế hoạch: 2 tỷ VND;
- Tiến độ của công trình tại thời điểm 31/12/2020: Hoàn thành thi công giai đoạn 1 (phần móng) Đồng thời, dừng thi công và chờ bàn giao cho Ban quản lý Cảng Bến Đầm tiếp tục thi công.
- Nội dung bàn giao đưa vào sử dụng: Theo biên bản làm việc ngày 24/09/2020, SKG đề nghị Ban quản lý Cảng Bến Đầm hỗ trợ 1 phòng vé và 1 bảng quảng cáo tùy theo điều kiện thực tế. Ban quản lý Cảng chưa có văn bản tiếp theo thống nhất vấn đề này.

11. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	936.697.655	1.031.689.729
Chi phí bảo dưỡng	2.045.160.106	1.486.095.847
Khác	1.400.677.827	2.252.321.561
	4.382.535.588	4.770.107.137
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	819.251.084	2.254.350.712
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	7.124.299.090	9.680.998.523
Thuê đất tại Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 16)	4.267.054.923	4.359.649.239
Khác	643.989.577	115.394.331
	12.854.594.674	16.410.392.805

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.247.142.815	100.811.875
Thù lao Hội đồng quản trị	74.316.000	84.450.000
Cổ tức phải trả	11.119.150	8.720.400
Khác	481.996.415	520.030.407
	1.814.574.380	714.012.682

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc 31/12/2020

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thiết kế kiến trúc và xây dựng Không Gian Xanh	847.900.000	847.900.000	2.141.200.000	2.141.200.000
DNTN Xăng dầu Phi Hải	591.600.000	591.600.000	763.700.000	763.700.000
Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh	249.518.000	249.518.000	401.256.000	401.256.000
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	-	-	1.080.360.000	1.080.360.000
Công Ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	304.045.500	304.045.500	-	-
Khác	807.457.089	807.457.089	691.225.287	691.225.287
	2.800.520.589	2.800.520.589	5.077.741.287	5.077.741.287

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		31/12/2020	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	461.696.576	16,456,432,449	17,127,227,524
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	877,478,497	877,478,497
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	480,971,023	480,971,023
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,688,872,231	-	-	2,181,677,579
Thuế thu nhập cá nhân	-	108,065,921	4,368,227,341	4,325,814,370
Các loại thuế khác	-	122,137,990	417,326,827	300,979,479
	5,688,872,231	691,900,487	22,600,436,137	25,294,148,472
			3,507,194,652	1,203,935,243

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	575.749.560.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	272.263.291.568	871.916.521.491
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	101.100.416.328	101.100.416.328
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	57.567.790.000	-	-	-	(57.567.790.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(57.574.956.000)	(57.574.956.000)
Chi quỹ	-	-	(2.500.000.000)	(1.108.436.572)	-	(3.608.436.572)
Tại ngày 01/01/2020	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	258.220.961.896	911.833.545.247
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	22.708.584.409	22.708.584.409
Trả cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	-	(63.331.735.000)	(63.331.735.000)
Tại ngày 31/12/2020	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	217.597.811.305	871.210.394.656

(i) Công ty chia cổ tức bằng tiền mặt (10%/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên số 01/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 26/6/2020.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020:

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	%	VND	%
Puan Kwong Siing	104.707.570.000	16,53%	104.707.570.000	16,53%
Kaibouk Shipyard (M) Sdn.Bhd	21.658.120.000	3,42%	19.487.920.000	3,08%
Hà Nguyệt Nhi	50.401.660.000	7,96%	14.223.660.000	2,25%
Khác	456.550.000.000	72,09%	494.898.200.000	78,14%
	633.317.350.000	100%	633.317.350.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	633,317,350,000	575,749,560,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	57,567,790,000
- Vốn góp cuối năm	633,317,350,000	633,317,350,000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	8,720,400	6,536,250
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	63,331,735,000	115,142,746,000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	63,331,735,000	115,142,746,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(63,329,336,250)	(57,572,771,850)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(63,329,336,250)	(57,572,771,850)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(57,567,790,000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(57,567,790,000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	11,119,150	8,720,400

d) Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.331.735	63.331.735
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu phổ thông	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu phổ thông	63.331.735	63.331.735

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và Cam kết thuê hoạt động

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất trả tiền một lần tại Ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (Thuyết minh 11) để thực hiện dự án Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 10). Thời hạn thuê là tới ngày 15/02/2067.

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê vị trí tại nhiều địa điểm để làm văn phòng, kho. Công ty phải trả tiền thuê vị trí định kỳ theo quy định tại các hợp đồng này.

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
USD	431,98	445,18

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	304,339,465,322	452,143,044,739
	304,339,465,322	452,143,044,739

18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	237,977,545,996	300,350,159,653
	237,977,545,996	300,350,159,653

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	10,851,336,991	11,499,020,018
Lãi tiền gửi thanh toán	26,031,830	40,839,645
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7,816,800	40,485,233
	10,885,185,621	11,580,344,896

20. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	33,531,662	90,094,002
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	589,971	53,692
	34,121,633	90,147,694

21. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	14.333.820.259	14.336.212.633
Chi phí nguyên vật liệu và dụng cụ văn phòng	343.560.672	218.838.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.871.464	245.232.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.705.383.795	5.660.494.900
Chi phí chiết khấu, hoa hồng	17.094.982.123	21.024.747.972
Chi phí bằng tiền khác	1.548.981.893	889.852.779
	38.354.600.206	42.375.378.958

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.028.474.188	7.135.195.100
Chi phí dụng cụ quản lý	153.120.079	72.817.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.341.682	664.199.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.499.720.371	4.125.094.139
Chi phí bằng tiền khác	2.811.352.294	3.603.598.714
	15.015.008.614	15.600.904.925

23. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ việc khách hủy vé	613.778.386	670.888.500
Thu bồi thường sửa chữa tàu (Thuyết minh 24)	-	5.605.007.091
Đền bù tiền ứng mua đất thị xã Hà Tiên (Thuyết minh 6ii)	659.381.589	889.478.082
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	81.535.454
Thu nhập khác	41.666.085	372.184.659
	1.314.826.060	7.619.093.786

24. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí sửa chữa tàu (*)	-	6.022.582.987
Chi phí khác	267.938.566	280.739.224
	267.938.566	6.303.322.211

(*) Tổng chi phí sửa chữa tàu Superdong III và tàu Phú Quý 1 là 6.022.582.987 VND, trong đó 5.605.007.091 VND sẽ thu hồi lại từ các đơn vị bảo hiểm và đơn vị gây sự cố (Thuyết minh 6i và Thuyết minh 23 đề cập ở trên).

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận trước thuế	24,890,261,988	106,622,569,980
Chi phí không được trừ khi tính thuế	16,537,864,646	20,140,564,386
Chênh lệch tỷ giá đánh giá tiền và các khoản phải thu cuối năm	589,971	53,692
Thu nhập tính thuế	41,428,716,605	126,763,188,058
Trong đó:		
Thu nhập ưu đãi thuế	33,001,571,220	116,020,532,428
Thu nhập không ưu đãi thuế	8,427,145,385	10,742,655,630
Thuế suất thuế TNDN thông thường	20%	20%
Thuế TNDN đối với thu nhập ưu đãi	6,600,314,244	23,204,106,486
Miễn, giảm thuế phải nộp đối với thu nhập ưu đãi	(6,104,065,742)	(19,830,483,960)
Thuế TNDN đối với thu nhập không ưu đãi	1,685,429,077	2,148,531,126
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	2,181,677,579	5,522,153,652
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(5,688,872,231)	(8,780,262,474)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(2,430,763,409)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(3,507,194,652)	(5,688,872,231)

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22,708,584,409	101,100,416,328
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22,708,584,409	101,100,416,328
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	63,331,735	63,331,735
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	359	1,596

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92,677,767,885	149,781,266,169
Chi phí nhân công	70,335,380,499	70,766,978,176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52,026,156,757	50,923,836,698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46,888,324,755	52,804,335,493
Chi phí khác bằng tiền	28,622,445,771	32,716,940,237
	290,550,075,667	356,993,356,773

28. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của công ty bao gồm:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.585.818.590	-	6.905.040.805	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.676.428.704	-	42.375.985.381	-
Các khoản cho vay	178.787.313.181	-	193.657.422.261	-
	227.049.560.475	-	242.938.448.447	-

Nợ phải trả tài chính

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả người bán, phải trả khác	4.615.094.969	5.791.753.969
	4.615.094.969	5.791.753.969

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.585.818.590	-	14.585.818.590
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.193.428.704	4.483.000.000	33.676.428.704
Các khoản cho vay	164.787.313.181	14.000.000.000	178.787.313.181
	208.566.560.475	18.483.000.000	227.049.560.475
01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.905.040.805	-	6.905.040.805
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.604.485.381	6.771.500.000	42.375.985.381
Các khoản cho vay	158.657.422.261	35.000.000.000	193.657.422.261
	201.166.948.447	41.771.500.000	242.938.448.447

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2020			
Phải trả người bán, phải trả khác	4.615.094.969	-	4.615.094.969
	4.615.094.969	-	4.615.094.969
01/01/2020			
Phải trả người bán, phải trả khác	5.791.753.969	-	5.791.753.969
	5.791.753.969	-	5.791.753.969

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Kaibouk Shipyard (M) Sdn.Bhd.	Cùng nhà đầu tư
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó chủ tịch
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT
Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	
Kaibouk Shipyard (M) Sdn.Bhd	Mua tàu và phụ tùng thay thế	2.085.609.418	61.496.549.466

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số dư	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	
Kaibouk Shipyard (M) Sdn.Bhd	Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn	61,953,754,875	45,118,413,549
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phải trả cho người bán ngắn hạn	23,215,000	-
	Tạm ứng	-	100,000,000



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC - SUPERDONG KIÊN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kiên Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



HÀ NGUYỆT NHI

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Hà Nguyệt Nhi	489.274.000	546.860.400
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	906.046.000	487.293.554
Ông Puan Kwong Siing	1.436.219.277	1.443.710.385
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	84.240.000	108.000.000
Bà La Xuân Đào	84.240.000	108.000.000
Ông Phan Hồng Phúc	224.640.000	288.000.000
Ông Tăng Siêu Tâm	84.240.000	108.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	1.084.716.000	1.148.306.000

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

32. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 24 tháng 03 năm 2021.

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2021